

LƯỢC ĐỒ KẾT NỐI GIAO THÔNG TỈNH THANH HÓA
TRANSPORT LINKAGE MAP IN THANH HOA PROVINCE



TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TỈNH THANH HÓA
THANH HOA INVESTMENT, TRADE, TOURISM PROMOTION AGENCY

Trụ sở: 41 đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(Address: No. 41, Le Loi Boulevard, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province, Vietnam)
Tel: 0237.3716. 867 * **Fax:** 0237.3716.866 * **Email:** trungtamxuctien@thanhhoa.gov.vn
Website: investinthanhhoa.gov.vn; thanhhoatourism.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

PEOPLE'S COMMITTEE OF THANH HOA PROVINCE
INVESTMENT, TRADE, TOURISM PROMOTION AGENCY

TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ



HƯỚNG DẪN ĐẦU TƯ VÀO
TỈNH THANH HÓA

INVESTMENT GUIDANCE IN
THANH HOA PROVINCE



(Tài liệu phục vụ các Kí ốt thông tin du lịch)



THỦ TƯỚNG NGUYỄN XUÂN PHÚC THAM DỰ HỘI NGHỊ
XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TẠI TỈNH THANH HÓA NĂM 2017

*PRIME MINISTER NGUYEN XUAN PHUC AT THE INVESTMENT
PROMOTION CONFERENCE IN THANH HOA PROVINCE IN 2017*



THÁNG 5, 2018 NHÀ MÁY LỘC HÓA DẦU NGHỊ SƠN XUẤT XƯỞNG
LỖ SẢN PHẨM THƯƠNG MẠI ĐẦU TIÊN

*MAY, 2018, NGHI SƠN REFINERY WELCOMES FIRST
COMMERCIAL PRODUCT*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH
PEOPLE'S COMMITTEE OF THANH HOA PROVINCE
INVESTMENT, TRADE, TOURISM PROMOTION AGENCY

HƯỚNG DẪN ĐẦU TƯ VÀO TỈNH THANH HÓA

INVESTMENT GUIDANCE IN
THANH HOA PROVINCE



Mục lục/ Contents

Lời nói đầu (Preface)	5
Phần Thứ Nhất (Part I)	7
Tổng quan về Thanh Hóa (Overview of Thanh Hoa)	
Phần Thứ Hai (Part II)	12
Mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Thanh Hóa (The socio-economic development objectives in the period 2016-2020 of Thanh Hoa province)	
Phần Thứ Ba (Part III)	14
Giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư vào một số khu vực trọng điểm của tỉnh (Introduction of investment potentials and opportunities in some key areas of the province)	
I. Khu kinh tế Nghi Sơn (Nghi Son economic zone)	19
II. Các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Industrial zones in Thanh Hoa province)	26
III. TP. Thanh Hóa (Thanh Hoa City)	28
IV. TP. Sầm Sơn (Sam Son City)	29
V. Khu du lịch biển Hải Hòa (Hai Hoa beach resort area)	30
VI. Khu du lịch biển Hải Tiến (Hai Tien beach resort area)	31
Phần Thứ Tư (Part IV)	31
Chính sách ưu đãi đầu tư (Investment incentive policies)	
I. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Thanh Hóa (Ngoài Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp) (Investment incentive policies in Thanh Hoa province (outside Nghi Son economic zone and industrial zones))	42
II. Chính sách ưu đãi, đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa (Incentive policies to support investment in industrial zones in the province)	47
Phần Thứ Năm (Part V)	47
Đơn giá thuê đất và một số chi phí khác (Unit price of land rent and other expenses)	
Phần Thứ Sáu (Part VI)	50
Trình tự, thủ tục đầu tư (Procedures of investment)	
Phần Thứ Bảy (Part VII)	53
Danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp (FDI, DDI) đến năm 2025 (A list of projects calling for foreign direct investment (FDI, DDI) until 2020)	53
Danh mục dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đến năm 2025 (List of projects attracting private public partnership (PPP) in Thanh Hoa province by 2025)	66

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm giới thiệu những nét khái quát về Thanh Hóa, vùng đất "địa linh nhân kiệt" và tiềm năng thế mạnh của tỉnh Thanh Hóa nói chung, của Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp và các địa phương trong tỉnh nói riêng, thông tin về các quy hoạch, cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, thông tin liên quan đến môi trường đầu tư, danh mục lĩnh vực và dự án ưu tiên đầu tư với các nhà đầu tư, các vị khách trong và ngoài nước, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa trân trọng giới thiệu tài liệu **"Hướng dẫn đầu tư vào tỉnh Thanh Hóa"**.

Tài liệu được trình bày bằng hai thứ tiếng, có các bản đồ hành chính, bản đồ quy hoạch Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các vùng phụ cận... Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa hy vọng các nhà đầu tư và quý khách hài lòng về những thông tin chúng tôi cung cấp.



Tỉnh Thanh Hóa luôn hoan nghênh, chào đón các nhà đầu tư đến nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh. Với nhận thức, thành công của doanh nghiệp cũng chính là thành công của tỉnh. Tỉnh Thanh Hóa luôn đồng hành và cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư đến đầu tư kinh doanh có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Xin trân trọng cảm ơn./.

PREFACE

To introduce the general characteristics of Thanh Hoa, the sacred land of extraordinary people, including its potentials and strengths with Nghi Son Economic Zone, industrial parks and its regions which open up prospects for investment and effective development; and to introduce information on investment plans, incentive policies, information relating to the investment environment, field names and projects prioritized for domestic and foreign investments, the Thanh Hoa Investment, Trade, Tourism Promotion Agency would like to introduce the document "Investment guidance in Thanh Hoa Province"

The document is presented in two languages, with administrative maps, the planning map of Nghi Son economic zone, the industrial zones in Nghi Son economic zone and adjacent areas. Thanh Hoa Investment, Trade, Tourism Promotion Agency province hope investors and customers are satisfied with the provided information.



Thanh Hoa province always welcomes investors to study and seek investment opportunities in the province. With the principle "the success of the investor is also the province's success", Thanh Hoa province always accompanies and promises to create the most favorable conditions for investors to invest effectively in Thanh Hoa province.

Thank you very much!

PHẦN THỨ NHẤT

TỔNG QUAN VỀ THANH HÓA

Thanh Hóa thuộc vùng Bắc Trung Bộ, cách thủ đô Hà Nội khoảng 150 km về phía Nam. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp các tỉnh: Sơn La, Hòa Bình và Ninh Bình;
- Phía Nam giáp tỉnh Nghệ An;
- Phía Tây giáp tỉnh Hòa Phấn - Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào;
- Phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ.

Thanh Hóa có diện tích tự nhiên 11.111,4 km²; dân số trên 3,5 triệu người; so với các địa phương trong cả nước, đứng thứ 5 về diện tích và thứ 3 về dân số. Toàn tỉnh có 27 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 02 thành phố, 01 thị xã và 24 huyện.

Thanh Hóa nằm ở cửa ngõ giao lưu giữa Bắc Bộ và Trung Bộ, có hệ thống giao thông thuận lợi và đa dạng với đầy đủ các loại hình, gồm: đường sắt, đường bộ, đường thủy và hàng không. Với tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua, cùng với Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10, Quốc lộ 45, Quốc lộ 15A, Quốc lộ 217, đường Hồ Chí Minh; cửa khẩu Quốc tế Na Mèo thông thương với Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan; Cụm cảng nước sâu Nghi Sơn có khả năng tiếp nhận tàu trên 5 vạn tấn; đặc biệt là

PART I

OVERVIEW OF THANH HOA

Thanh Hoa is in the North Central of Vietnam, about 150 km south of Hanoi. Boundary:

- The North borders Son La, Hoa Binh and Ninh Binh;
- The South borders Nghe An province;
- The West borders Hua Phan Province - the Lao People's Democratic Republic;
- The East borders the Gulf of Tonkin.

Thanh Hoa has an area of 11,111.4 km²; The population is over 3.5 million; Compared to other provinces in the country, it ranks fifth in area and third in population. The province has 27 district-level administrative units, including 02 cities, 01 town and 24 districts.

Thanh Hoa is located at the gateway of exchanges between the North and the Central, and has a wide range of transportation systems, including railway, road, waterway and airway. With the North-South railway running through, along with National Highway 1A, National Highway 10, National Highway 45, National Highway 15A, National Highway 217, Ho Chi Minh Road; Na Meo International Border Crossing is open to Lao People's Democratic Republic and north eastern Thailand; Nghi Son deep-water ports are capable of receiving ships of over 50,000 tons; Especially Tho Xuan

Cảng hàng không Thọ Xuân, hiện đang khai thác đường bay từ Thanh Hóa đi Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), Thành phố Buôn Mê Thuột (tỉnh Đắk Lắk), Thành phố Băng Cốc (Thái Lan) và dự kiến mở đường bay Thanh Hóa - Hàn Quốc, là những điều kiện thuận lợi để Thanh Hóa phát triển kinh tế - xã hội, kêu gọi đầu tư và giao thương, liên kết với các tỉnh trong cả nước, các nước trong khu vực và quốc tế.

Với chiều dài bờ biển 102 km, cùng các địa danh nổi tiếng như thành phố Sầm Sơn, khu du lịch Hải Tiến, khu du lịch Hải Hòa; với 1.535 di tích lịch sử văn hóa, nổi bật là Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh, Đền Bà Triệu, khu di tích lịch sử Hàm Rồng và các danh lam thắng cảnh như Bến En, Pù Luông, suối cá Cẩm Lương... là những điều kiện thuận lợi để Thanh Hóa phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Cùng với đó, việc sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng như tài nguyên đất, rừng, biển và nhiều loại khoáng sản có trữ lượng lớn, Thanh Hóa có điều kiện thuận lợi trong phát triển các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Khu kinh tế Nghi Sơn được thành lập với nhiều cơ chế, chính sách thông thoáng, nhiều công trình kết cấu hạ tầng đã và

Airport, which is operating flights from Thanh Hoa to Ho Chi Minh City, Nha Trang City (Khanh Hoa Province), Buon Ma Thuot City (Dak Lak Province), Bangkok (Thailand) and expected open new flights from Thanh Hoa to Korea. They are favorable conditions for Thanh Hoa to develop its economy and society, calling for investment and trade, linking to other provinces in the country and different countries in the region and internationally.

With a coastline of 102 km, Thanh Hoa has many famous sites such as Sam Son city, Hai Tien tourist area, Hai Hoa tourist area; With 1,535 historical and cultural relics, especially Ho Dynasty - a world Cultural Heritage, Lam Kinh Special National Monument, Ba Trieu Temple, Ham Rong Historic Site, and other scenic spots such as Ben En, Pu Luong, Cam Luong fish stream Thanh Hoa has favorable conditions to develop the tourism industry into a key economic sector of the province... Along with that, owning rich and diversified natural resources such as land, forest, sea and many kinds of minerals with high reserves, Thanh Hoa has favorable conditions for development of agriculture, forestry, industry, fishery, construction and services.

Nghi Son Economic Zone was established with many open mechanisms and policies; many infrastructure works have been invested and built, attracting many domestic and foreign investors. At present, many important infrastructure

đang được đầu tư xây dựng, tạo ra sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hiện nay, nhiều công trình hạ tầng quan trọng như hệ thống giao thông trục chính, cảng biển, cấp điện, cấp nước, viễn thông, xử lý rác thải... đã hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả đầu tư; một số dự án công nghiệp lớn đã hoàn thành đi vào hoạt động như: nhiệt điện Nghi Sơn 1 (công suất 600 MW), xi măng Nghi Sơn (4,3 triệu tấn/năm), xi măng Công Thanh (02 triệu tấn/năm), Lọc hóa dầu Nghi Sơn (công suất 10 triệu tấn dầu thô/năm); một số dự án trọng điểm, có sức lan tỏa lớn đang trong quá trình đầu tư như: nhiệt điện Nghi Sơn II (1.200 MW), nhiệt điện Công Thanh (600 MW)... sau khi hoàn thành đi vào hoạt động sẽ tạo ra bước đột phá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ. Cùng với phát triển khu kinh tế, trên địa bàn tỉnh hiện có 05 khu công nghiệp (1.100 ha) đã đưa vào hoạt động (tỷ lệ lấp đầy khoảng 50%) với cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, nhiều cơ chế, chính sách thông thoáng; trong tương lai, sẽ thành lập mới 03 khu công nghiệp là những thuận lợi không nhỏ để thu hút các nhà đầu tư vào tỉnh.

Bên cạnh đó, với dân số trong độ tuổi lao động lên tới trên 2,2 triệu người, trong đó tỷ lệ lao động đã qua đào tạo năm 2017 chiếm khoảng 58%, sẽ tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án đầu tư sử dụng nhiều lao động và các ngành công nghiệp

workssuch as main road system, seaport, power supply, water supply, telecommunication or garbage treatment have been put into use effectively; Some major industrial projects have been put into operation such as Nghi Son 1 Thermal power plant (600 MW), Nghi Son Cement (4.3 million tons per year), Cong Thanh Cement (02 million tons per year), Nghi Son petro chemical refinery (capacity of 10 million tons of crude oil per year); A number of key projects with huge influence are under investment process such as Nghi Son II Thermal power plant (1,200 MW) Cong Thanh Thermal power plant (600 MW). When finishing the construction and being put into operation, these project will create a break through in the economic restructuring of the province and the North Central. Along with the development of the economic zone, there are 05 industrial zones (1,100 ha) already in operation (occupancy rate of about 50%) with synchronously invested infrastructure and many favorable mechanisms & policies; In the future, the establishment of 03 new industrial zones will be a great advantage to attract investors to the province.

In addition, with the working-age population of over 2.2 million people, of which the trained labor force in 2017 accounts for 58%, it will create favorable conditions to attract the investment projects requiring labor force and manufacturing industries requiring highly qualified workers. In addition, the

sản xuất sử dụng lao động trình độ cao. Ngoài ra, với hệ thống các cơ sở y tế và các trường đào tạo tương đối đồng bộ, gồm: 13 bệnh viện tuyến tỉnh, 25 bệnh viện tuyến huyện, 27 trung tâm y tế huyện, 02 bệnh viện Trung ương, 10 bệnh viện ngoài công lập và 04 trường đại học, 06 trường cao đẳng chuyên nghiệp, 05 trường cao đẳng nghề và nhiều trường trung cấp, là những điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư trong lĩnh vực y tế và đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận.

synchronous system of health facilities and training schools, including: 13 provincial hospitals, 25 district hospitals, 27 district health centers, 2 central hospitals, 10 non state owned hospitals and 4 universities, 6 professional colleges, 5 vocational colleges and many middle schools. They are favorable conditions for attracting investment in the sectors of health and training human resources for enterprises and investors in the province and surrounding areas.

Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020
SƠ ĐỒ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 - 2020



PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020 CỦA TỈNH THANH HÓA

Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Thanh Hóa xác định mục tiêu phát triển là: Tranh thủ thời cơ, vận hội mới; tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; coi phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là nền tảng, phát triển công nghiệp là then chốt, tập trung phát triển du lịch và các dịch vụ có lợi thế. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; quan tâm bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo cho phát triển nhanh và bền vững. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2020 trở thành tỉnh khá của cả nước, đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu gồm:

1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh

PART II

THE SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OBJECTIVES IN THE PERIOD 2016-2020 OF THANH HOA PROVINCE

In the period of 2016 - 2020, Thanh Hoa province determines development objectives: Take advantage of new opportunities; Continue to strongly improve the investment environment, mobilize and efficiently use resources for development and investment; Accelerate economic restructuring associated with the transformation of growth patterns; Considering agricultural development and new rural construction as the foundation, industrial development is the key, and tourism and services that have advantages are the focus. To enhance the application of scientific and technological advances, raise the quality of human resources; To take care of the socio-cultural development, improve the material and spiritual life of the people; To pay attention to environmental protection, efficiently use natural resources and take initiative in responding to climate change, ensuring fast and sustainable development. Maintaining political stability, strengthening national defense and security, ensuring social order and safety. By 2020, to strive to become a top province of the whole country, by 2030 basically to become a modern industrial province.

Some of the objectives are presented below:

- Gross output growth rate

GRDP bình quân 5 năm đạt 12%/năm trở lên;

2. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.600 USD trở lên;

3. Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP năm 2020: nông, lâm, thủy sản chiếm 12%; công nghiệp - xây dựng chiếm 53,7%; dịch vụ chiếm 34,3%;

4. Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm giữ ổn định 1,5 triệu tấn;

5. Tổng giá trị xuất khẩu năm 2020 đạt 1,9 tỷ USD trở lên;

6. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 610 nghìn tỷ đồng;

7. Tỷ lệ đô thị hoá năm 2020 đạt 35% trở lên;

8. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 đạt 50% trở lên;

9. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm 11%;

in the province (GRDP) on the average of 5 years reach 12%/year or higher.

- GRDP per capita in 2020 reach 3,600USD or more.

- Economic proportion in GRDP in 2020: Agriculture, forestry, fishery accounting 12%, industry-construction account 53.7%, service accounting 34.3%, taxing accounting 4.5%

- The average annual food output is stable at 1.5 million tons;

- The total export value in 2020 is USD 2 billion or more;

- The total mobilized capital of the whole society in 5 year period reach 610 billion;

- The rate of urbanization in 2020 is 35% or higher;

- The rate of communes meeting the new rural standards in 2020 is 50% or higher;

- The annual average productivity growth rate of social labor is 11%.



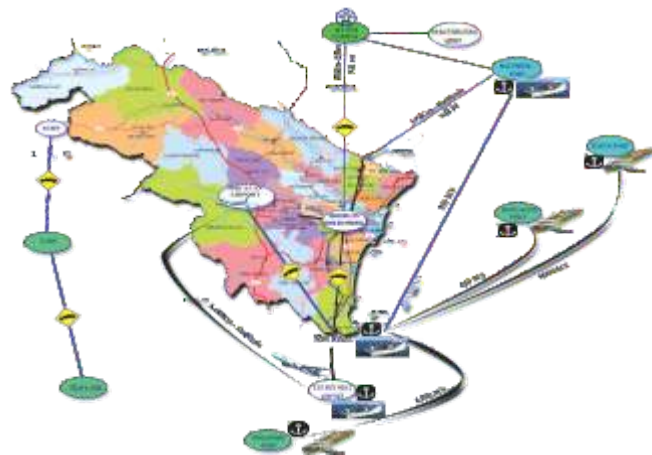
PHẦN THỨ BA

GIỚI THIỆU TIỀM NĂNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO MỘT SỐ KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH

I. KHU KINH TẾ NGHI SƠN

1. Vị trí

Khu kinh tế Nghi Sơn nằm cách Thành phố Thanh Hóa khoảng 50 km, cách Cảng hàng không Thọ Xuân khoảng 60 km và cách Thủ đô Hà Nội khoảng 200 km về phía Nam; tổng diện tích khu kinh tế là 106.000 ha, trong đó 66.497,57 ha đất liền và đảo và 39.502,43 ha mặt nước.



2. Mục tiêu phát triển chủ yếu

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành khu vực phát triển năng động, một trọng điểm phát triển ở phía Nam vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; đồng thời, là cầu nối giữa vùng Bắc Bộ với Trung Bộ và Nam Bộ, với thị trường Nam Lào và Đông Bắc

PART III

INTRODUCTION OF INVESTMENT POTENTIALS AND OPPORTUNITIES IN SOME KEY AREAS OF THE PROVINCE

I. NGHI SON ECONOMIC ZONE

1. Location

Nghi Son economic zone is located about 50 km from Thanh Hoa city, about 60 km from Tho Xuan airport and about 200 km south of Hanoi. The total area of the economic zone is 106,000 ha, of which there is 66,497.57 ha of land and islands and 39,502.43 ha of water surface.

2. Main development objectives

- To build Nghi Son economic zone into a dynamic development area, the key development in the southern key economic region of the North; At the same time, it is the bridge between the North, the Center and the South, with the markets of Southern Laos and

Thái Lan, tạo động lực thúc đẩy, lôi kéo kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận phát triển nhanh, thu hẹp khoảng cách phát triển với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và với cả nước.

- Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản như: công nghiệp lọc hoá dầu, công nghiệp luyện cán thép cao cấp, cơ khí chế tạo, sửa chữa và đóng mới tàu biển, công nghiệp điện, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu... gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn. Hình thành các sản phẩm mũi nhọn, có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, các loại hình dịch vụ cao cấp; đẩy mạnh xuất khẩu; mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới.

- Tạo nhiều việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; từng bước hình thành Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực.

Northeast of Thailand, creating the motive for the rapid socio-economic development of Thanh Hoa province and neighboring provinces. This also helps to narrow the development gap with the key economic region of the North and the whole country.

- To build and develop Nghi Son economic zone into a multi-branch and multi-sector economic zone with the focus on heavy industry and basic industries such as the petrochemical industry, steel rolling industry, ship building & manufacturing, power industry, construction materials manufacturing, consumer goods manufacturing, processing and export, associated with constructing and exploiting efficiently Nghi Son seaport. To form key products with high quality and competitiveness, high-class services; boost exports; Expanding to the regional and world markets.

- Create more jobs, promote training and improve the quality of human resources; To step by step form a center for training high quality human resources in the region.



3. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực

a) *Cảng Nghi Sơn*: diện tích quy hoạch là 2.020 ha, trong đó vùng đất là 916,8 ha, vùng nước là 1.103,2 ha; bao gồm các khu bến tổng hợp, container và bến chuyên dùng, với khả năng tiếp nhận tàu trên 50.000 DWT, năng lực xếp dỡ hàng trăm triệu tấn/năm.

b) Các khu công nghiệp

- Khu liên hợp lọc hoá dầu: diện tích quy hoạch 504 ha, trong đó 394 ha thuộc mặt bằng nhà máy giai đoạn 1 và 110 ha quy hoạch cho giai đoạn mở rộng công suất lên 20 triệu tấn/năm.

- Trung tâm nhiệt điện Nghi Sơn: diện tích quy hoạch 347 ha, gồm mặt bằng nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1, Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 và khu bến cảng chuyên dụng (20 ha);

- Khu liên hợp luyện cán thép Nghi Sơn: diện tích quy hoạch 630 ha.

- Các khu công nghiệp tập trung gồm: khu công nghiệp số 1 (diện tích quy hoạch 241 ha); khu công nghiệp số 2 (128 ha); khu công nghiệp số 3 (247 ha); khu công nghiệp số 4 (385 ha); khu công nghiệp số 5 (462 ha); khu công nghiệp số 6 (350 ha).

c) Các khu chức năng khác

- Khu đô thị trung tâm: 1.613,28 ha;

- Khu đô thị số 3: 572,2 ha;

- Khu trung tâm dịch vụ công cộng: 38,70 ha;

- Khu du lịch sinh thái đảo Nghi Sơn: 100 ha;

- Khu xử lý chất thải rắn Trường Lâm: 40,03 ha;

3. Planning for development of branches and fields

a) *Nghi Sơn port*: The planned area is 2,020 ha, of which the land area is 916.8 ha, the water area is 1,103.2 ha; Including general wharves, containers and specialized wharves, capable of receiving ships of over 50,000 DWT, handling capacity of hundreds of millions of tons per year.

b) Industrial zones

- The petrochemical refinery complex: The planned area is 504 ha, of which 394 ha belongs to the factory area of the first phase and 110 ha is planned for the capacity expansion of 20 million tons per year.

- Nghi Sơn Thermal Power Center: The project area is 347 hectares, including the premises of Nghi Sơn 1 thermal power plant, Nghi Sơn 2 thermal power plant and specialized port area (20 hectares);

- Nghi Sơn Steel Rolling Complex: planning area of 630 ha.

- Concentrated industrial parks include: industrial zone No.1 (planned area of 241 hectares); Industrial zone No. 2 (128 hectares); Industrial zone No. 3 (247 ha); Industrial park No. 4 (385 hectares); Industrial zone No. 5 (462 hectares); Industrial zone No. 6 (350 hectares).

c) Other functional areas:

- Central urban area: 1,613.28 hectares;

- Urban area No. 3: 572.2 ha;

- Public Service Center area: 38.70 ha;

- Nghi Sơn Island Ecotourism Area: 100 ha;

- Truong Lam solid waste treatment area: 40.03 ha;

- Khu dịch vụ công cộng Bắc Núi Xước: 14,58 ha.

- Các khu chức năng khác như: khu dân cư, khu tái định cư, sân golf...

d) Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống giao thông

+ Đường bộ: có Quốc lộ 1A và tuyến đường cao tốc Bắc Nam đi qua; phát triển hệ thống giao thông đường bộ liên hoàn giữa các vùng, miền trong tỉnh và khu vực; các trục đường giao thông nối từ khu đô thị trung tâm đến các khu công nghiệp và Cảng Nghi Sơn, các trục Đông Tây nối từ Cảng Nghi Sơn với đường cao tốc Bắc Nam, đường Hồ Chí Minh; tuyến đường nối Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.

+ Đường sắt: đường sắt Bắc Nam chạy qua có chiều dài trên 15 km, trong đó Ga Khoa Trường sẽ nâng cấp, mở rộng thành Ga hành khách và hàng hóa của khu kinh tế; đang nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt kết nối với Cảng Nghi Sơn.

- Hệ thống điện: Khu kinh tế Nghi Sơn sử dụng mạng lưới điện quốc gia đường dây 500 KV Bắc Nam và đường dây 220 KV Thanh Hóa - Nghệ An, hiện có trạm biến áp 220/110/22 KV - 250 MVA, đảm bảo đủ nguồn điện cung cấp cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

- Cấp nước: nguồn nước thô được lấy từ hồ Yên Mỹ và hồ sông Mực; tuyến ống giai đoạn 1 cấp về hồ Đồng Chùa với công suất 30.000 m³/ngày đêm; tuyến ống giai đoạn 2 đang được đầu tư xây dựng, với công suất 90.000 m³/ngày đêm. Đã hoàn thành nhà máy cấp nước sạch giai đoạn 1 công suất 30.000

- North Nui Xuoc Public Service Area: 14.58 ha.

- Other functional areas such as residential area, resettlement area, golf course

d) Technical infrastructure

- Transport system

+ Road: Located on the North - South transportation axis, Nghi Son EZ has National Highway 1A and North - South Highway pass through. There is a system of road traffic between regions in the province and Nghi Son EZ's regions. Roads linking the central urban area to Nghi Son industrial and port sites, east-west axes linking Nghi Son port to the north-south highway, and Ho Chi Minh road; in 2017, the 65-kilometer, 4-lane road linking Tho Xuan airport and Nghi Son seaport is inaugurate.

+ Railways: The national railway running through is over 15 km in length, of which Khoa Truong Station (200 km from Hanoi Railway Station) is expected to be upgraded and expanded into passenger and cargo stations of Nghi Son EZ. This is being studied to have railroad connection with Nghi Son port to facilitate import and export of goods through Nghi Son port.

- Power system: Nghi Son EZ uses the national power grid of 500 KV North - South and 220 KV Thanh Hoa - Nghe An. It has 220/110/22 KV - 250 MVA transformer stations, granted for production and living needs.

- Water supply: raw water is taken from Yen My and Muc river reservoirs; The first phase pipeline to Dong Chua lake with the capacity of 30,000 m³ / day; Phase 2 pipeline is under construction, with a capacity of 90,000 m³ / day and night. Having completed the first phase of clean water supply

m³/ngày đêm; giai đoạn 2 nâng công suất lên 90.000 m³/ngày đêm; nhà máy tại khu vực phía Tây quốc lộ 1A, công suất 20.000 m³/ngày đêm đang được đầu tư xây dựng.

- Viễn thông: phát triển với các loại hình dịch vụ tiên tiến, băng thông rộng, tốc độ cao và công nghệ hiện đại.

plant with the capacity of 30,000 m³ / day; Phase 2 increases capacity to 90,000 m³ / day; A factory in the western part of National Highway 1A with the capacity of 20,000 m³ / day is under construction.

- Telecommunication: Developed with various types of advanced services, broadband, high speed and modern technology.



4. Thực trạng thu hút đầu tư vào khu kinh tế

Tính đến nay, Khu kinh tế Nghi Sơn đã thu hút được 211 dự án đầu tư, trong đó có 192 dự án đầu tư trong nước và 19 dự án đầu tư nước ngoài; tổng vốn đăng ký ước đạt 106.627,43 tỷ đồng và 12.862,9 triệu USD. Trong đó có một số dự án lớn như: dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn (9,3 tỷ USD; công suất 10 triệu tấn sản phẩm/năm, xi măng Nghi Sơn (622 triệu USD; 4,3 triệu tấn/năm), xi măng Công Thanh (600 triệu USD; 5,8 triệu tấn/năm), nhiệt điện Nghi Sơn (2,54 tỷ USD; 2.400 MW), luyện cán thép Nghi Sơn (7 triệu tấn phôi/năm).

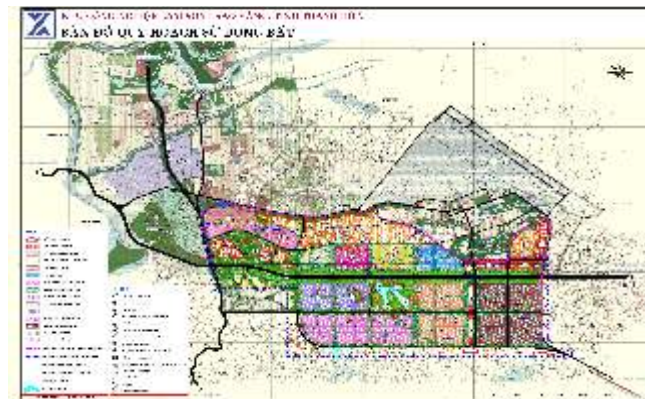
4. The current status of attracting investment in Nghi Son EZ

Up to now, Nghi Son EZ has attracted 211 investment projects, of which 192 domestic projects with total registered capital of about VND 106.627,43 billion and 19 FDI projects with total registered capital of about USD 12.862,9 million. There are a number of big projects, namely Nghi Son Oil refinery complex USD 9.3 billion, capacity of 10 million tons of product per year, Nghi Son Cement Plant USD 662 million with a capacity of 4.3 million tons per year; Cong Thanh cement plant USD 600 million, capacity of 5.8 million tons per year; Nghi Son Thermal Power Center, USD 2.54 billion, with a total capacity of 2,400 MW; Nghi Son steel rolling mill capacity 7 million tons / year.

II. CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

1. Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng

1.1. Vị trí



Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng nằm trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, thuộc khu vực phía Tây của tỉnh; cách Thành phố Thanh Hoá khoảng 40 km; gần khu công nghiệp có Cảng hàng không Thọ Xuân, đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 47.

1.2. Mục tiêu phát triển

Thanh Hóa đang tập trung xây dựng Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng thành khu công nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong tương lai sẽ cùng với Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành những động lực phát triển kinh tế của tỉnh.

1.3. Quy mô

Tổng diện tích quy hoạch toàn khu công nghiệp là 592,3 ha.

1.4. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị viễn thông, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử...

II. INDUSTRIAL ZONES IN THANH HOA PROVINCE

1. Lam Son – Sao Vang industrial zone

1.1. Location

Lam Son - Sao Vang Industrial zone is located in ThoXuan district, ThanhHoa province, in the western part of the province; About 40 km from ThanhHoa city; Near the industrial zone is ThoXuan Airport, Ho Chi Minh Road and Highway 47.

1.2. Development objective

ThanhHoa is concentrating on building Lam Son - Sao Vang Industrial zone into hi-a tech industrial zone and hi-tech agricultural area; In the future, along with Nghi Son Economic Zone, this industrial zone will become the driving force for economic development of the province.

1.3. Scale: 592.3ha

1.4. Investment-attracting industries: Manufacturing electronic components and telecommunications devices, assembling electrical and electronic devices

2. Khu công nghiệp Bim Son

2.1. Vị trí



Khu công nghiệp Bim Son nằm trên địa bàn thị xã Bim Son, tỉnh Thanh Hóa, thuộc khu vực phía Bắc của tỉnh; cách Thành phố Thanh Hóa khoảng 30 km và cách thủ đô Hà Nội 120 km về phía Nam; gần khu công nghiệp có Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam. Đây là khu công nghiệp có vị trí địa lý thuận lợi cả về giao thông, cấp điện, nước và các dịch vụ khác.

2.2. Quy mô

Tổng diện tích quy hoạch toàn khu công nghiệp là 566 ha, trong đó:

- Khu A: Nằm ở phía Tây Quốc lộ 1A, với diện tích 308 ha.
- Khu B: Nằm ở phía Đông Quốc lộ 1A, với diện tích 258 ha.

2.3. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Lắp ráp xe ô tô tải nhỏ, chế biến nông lâm sản, chế tạo máy, sửa chữa cơ khí, luyện cán thép, vật liệu xây dựng,....

2. Bim Son industrial zone

2.1. Location



Bim Son industrial zone is located in Bim Son town, Thanh Hoa province, in the northern part of the province; About 30 km from Thanh Hoa city and 120 km south of Hanoi; Near the industrial area is Highway 1A, North-South railway. This is an industrial zone which is geographically convenient for traffic, electricity, water supply and other services.

2.2. Scale: Area 566 hectares, already having infrastructure investors, including:

- + Area A: Located west of National Highway 1A, area of 308 ha.
- + Area B: Located east of National Highway 1A, area of 258 ha.

2.3. Investment-attracting industries:

Assembly of small trucks, agro-forestry processing, machine building, mechanical repair, steel rolling, construction materials producing, etc.

2.4. Thực trạng thu hút đầu tư

Khu công nghiệp Bim Son hiện có 03 doanh nghiệp đang đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thu hút được 24 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 7.448,47 tỷ đồng và 03 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 15,88 triệu USD. Trong đó có các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất có hiệu quả như: Nhà máy ô tô VEAM (công suất 33.000 xe/năm), nhà máy sang chiết nạp gas, nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, nhà máy sản xuất bao bì xi măng, nhà máy kết cấu thép Yada, nhà máy sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung...

3. Khu công nghiệp Hoàng Long

3.1. Vị trí



Khu công nghiệp Hoàng Long nằm trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; cách trung tâm Thành phố Thanh Hóa 03 km; gần khu công nghiệp có Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam.

3.2. Quy mô

Tổng diện tích quy hoạch toàn khu công nghiệp khoảng

2.4. Situation of attracting investment:

Bim Son industrial zone currently has 03 enterprises investing in technical infrastructure system. Attracted 24 domestic investment projects with a total registered capital of 7.448,47 trillion dong and 03 foreign investment projects with a total registered capital of \$ 15,88 million. Of which there are enterprises operating effectively, namely VEAM automobile plant (capacity of 33,000 vehicles / year), gas refining plant, construction material factory, cement packaging factory, Yada steel structure factory, medium-size four-wheeled tractors manufacturing factory etc.

3. Hoang Long industrial zone

3.1. Location

Hoang Long Industrial zone is located in Thanh Hoa city, Thanh Hoa province; 3 km from downtown Thanh Hoa; Near the industrial zone is National Highway 1A and North-South railway.

3.2. Scale: 286.0 ha, infrastructure investors are currently building the zone.

286 ha.

3.3. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Điện, điện tử, phần mềm, cơ khí, lắp máy sửa chữa, lắp ráp công nghệ cao, sản xuất đồ gia dụng,...

3.4. Thực trạng thu hút đầu tư

Lũy kế đến nay đã thu hút được 19 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký là 2.773.85 tỷ đồng và 04 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 135 triệu USD, trong đó có 02 nhà máy sản xuất giấy dếp xuất khẩu của Tập đoàn Hong Fu (Đài Loan) đang sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp.

4. Khu công nghiệp Ngọc Lặc

4.1. Vị trí



Khu công nghiệp Ngọc Lặc nằm trên địa bàn xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; cách trung tâm Thành phố Thanh Hóa 70 km; gần khu công nghiệp có đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 15A.

4.2. Quy mô

Tổng diện tích quy hoạch toàn khu công nghiệp khoảng 150 ha.

4.3. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Dệt may, da giày, sản xuất

3.3. Industries attracting investment: Electronics, software, mechanics, machine assemblies, hi-tech assemblies, home appliances

3.4. Situation of attracting investment:

Up to now, it has attracted 19 domestic investment projects with a total registered capital of VND2.773,85 billion and four foreign investment projects with total registered capital of US \$ 135 million, of which two are footwear for exports manufacturing factories by Hong Fu Group (Taiwan) in this industrial zone.

4. Ngoc Lac industrial zone

4.1. Location

Ngoc Lac industrial zone is located in Quang Trung commune, Ngoc Lac district, Thanh Hoa province. 70 km from downtown Thanh Hoa; Near the industrial park is Ho Chi Minh Road, Highway 15A.

4.2. Scale

Total planning area of the whole industrial zone is about 150 hectares.

4.3. Industries attracting investment

Textiles, leather and footwear, automobile production and assembly,

và lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, sản xuất kết cấu thép, điện tử, sản phẩm công nghệ cao, chế biến nông, lâm sản xuất khẩu...

5. Khu công nghiệp Thạch Quảng

5.1. Vị trí



Nằm trên địa bàn xã Thạch Quảng và xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; cách đường Hồ Chí Minh 500 m về phía Tây.

5.2. Quy mô: Tổng diện tích 140 ha, trong đó đất công nghiệp 85,38 ha.

5.3. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phân bón, vật liệu xây dựng.

6. Khu công nghiệp Bãi Trành

6.1. Vị trí

Khu công nghiệp Bãi Trành nằm trên địa bàn xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; gần tuyến đường Nghi Sơn - Bãi Trành; cách đường Hồ Chí Minh 5 km, cách Cảng Nghi Sơn 48 km và cách trung tâm huyện Như Xuân khoảng 33 km.

6.2. Quy mô

Tổng diện tích quy hoạch

mechanical engineering, production of high-grade construction materials, steel structure, electronics, high technology products, processing agricultural and forestry products for export etc.

5. Thạch Quang industrial zone

5.1. Location

Administrative boundary of Thạch Quang and Thạch Tượng communes. Located west of Thạch Quang city. 500m west of Ho Chi Minh Road.

5.2. Scale

The total area is 140 hectares, of which industrial land is 85.38 hectares.

5.3. Industries attracting investment

processing agricultural & forest products, food, animal feed, fertilizer and construction materials.

6. Bãi Trành industrial zone

6.1. Location

The location is on the administrative boundary of Xuân Bình Commune. Located in the southeast of the urban area, on the axis of Nghi Sơn - Bãi Trành. 33km south of Như Xuân Commune center. 4.8km from Ho Chi Minh Road, 48km from Nghi Sơn port. Area of 116 hectares.

6.2. Scale Planning area:

toàn khu công nghiệp là 179,03 ha, trong đó đất công nghiệp là 145,7 ha.

6.3. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Chế biến nông, lâm sản, khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến một số sản phẩm sau lọc hóa dầu của Khu lọc hóa dầu Nghi Sơn.

7. Khu Công nghiệp Lễ Môn

7.1. Vị trí

Khu Công nghiệp Lễ Môn nằm trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; cách trung tâm thành phố khoảng 06 km; gần khu công nghiệp có Quốc lộ 1A, Quốc lộ 47, đường sắt Bắc Nam.

7.2. Quy mô

Tổng diện tích quy hoạch toàn khu công nghiệp là 87,61 ha; đến nay tỷ lệ lấp đầy đạt 100%.

7.3. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; dệt may, giày da; chế biến nông, lâm, thủy sản; chế tạo lắp ráp cơ khí; điện tử; thiết bị viễn thông; sản xuất phần mềm; sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; thủ công mỹ nghệ truyền thống...

7.4. Thực trạng thu hút đầu tư

Hiện tại có nhiều dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, như: nhà máy may Sakurai Việt Nam, nhà máy may Yotsuba Dress, nhà máy may Nomura Thanh Hóa, nhà máy sản xuất giấy dếp xuất khẩu...

8. Khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc ga

8.1. Vị trí

Khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc ga nằm trên

179.03 ha, of which industrial land is 145.7 ha.

6.3. Industries attracting investment

Processing agricultural, forestry and mineral products and producing construction materials. Attracts the projects of processing after-oil-refining products of Nghi Son Refinery complex.

7. Le Mon industrial zone

7.1. Location

Le Mon Industrial Zone is located in Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province; About 06 km from the city center; Near the industrial area is National Highway 1A, Highway 47, North South railway.

7.2. Scale

87.61 ha (fully occupied).

7.3. Industries attracting investment

Consumer goods industry; Textiles and footwear for export; Agricultural, forestry and fishery processing; Mechanical production and assembly; Telecommunications devices; Software production; High-grade building materials production; Traditional handicrafts etc.

7.4. Situation of attracting investment

Currently, many projects are operating effectively, especially the projects of Japanese enterprises such as Sakurai Vietnam garment factory, Yotsuba Dress garment factory, Nomura Thanh Hoa garment factory, footwear for export factory.

8. Dinh Huong - Northwest Railway Station Industrial Zone

8.1. Location

Located on the north of Thanh Hoa city, close to

địa bàn Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; cách trung tâm thành phố 2 km; gần khu công nghiệp có Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam và Cảng Lễ Môn.

8.2. Quy mô

Tổng diện tích quy hoạch toàn khu công nghiệp là 180 ha; đến nay đã cơ bản được lấp đầy.

8.3. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Sản xuất sản phẩm công nghiệp chất lượng cao.

8.4. Thực trạng thu hút đầu tư

Đã thu hút được 250 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 3.571,76 tỷ đồng và 05 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 13,77 triệu USD. Hiện tại có nhiều dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả như: Nhà máy chế tạo cơ khí Z111, nhà máy sản xuất thép, nhà máy sản xuất bao bì giấy,...

National Highway 1A, 2 km from city center, 7 km from Le Mon port, 3 km from North - South railway station.

8.2. Scale

162.7 hectares, today has basically been filled up.

8.3. Industries attracting investment

Producing high quality industrial products in Northwest Railway Station Industrial Zone, phase 2.

8.4. Situation of attracting investment

It has attracted 250 domestic investment projects with a total registered capital of 3,571,76 trillion dong and 05 foreign investment projects with total registered capital of \$ 13,77 million. At present, there are many projects being operated effectively such as Z111 mechanical engineering factory, steel factory, paper packaging factory, etc.



III. THÀNH PHỐ THANH HÓA

1. Vị trí

Thành phố Thanh Hóa là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa; cách thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam; cách Cảng hàng không Thọ Xuân khoảng 30 km.

2. Diện tích, dân số

Tổng diện tích tự nhiên 146,77 km² với 20 phường và 17 xã; dân số khoảng 406.550 người; là một trong những đô thị có quy mô dân số và diện tích lớn nhất của khu vực phía Bắc; kết cấu hạ tầng đô thị, giao thông, điện, cấp nước, viễn thông tương đối đồng bộ.

3. Tiềm năng đầu tư

- Phát triển các khu đô thị: Với mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại kết nối với thành phố Sầm Sơn và huyện Đông Sơn; tập trung xây dựng khu đô thị mới trung tâm thành phố đồng bộ, hình thành khu đô thị kiểu mẫu, tạo bộ mặt mới cho thành phố.

- Phát triển du lịch: Với hơn 50 di tích cấp quốc gia và di tích cấp tỉnh đã được xếp hạng, tiêu biểu như Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, Khu tưởng niệm Bác Hồ, Thiền viện Trúc Lâm, Đền thờ Mẹ Việt Nam anh hùng và các anh hùng liệt sỹ, làng cổ Đông Sơn; hiện nay, các di tích đã và đang được quy hoạch, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch.

- Phát triển dịch vụ y tế: Theo Quy hoạch tổng thể phát triển ngành y tế tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, sẽ xây dựng một hệ thống dịch vụ y tế tổng hợp để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh, bệnh nhân từ khu vực lân cận

III. THANH HOA CITY

1. Location

Thanh Hoa city is the political, economic, cultural, educational, medical, scientific and technical center of Thanh Hoa province; 150 km south of Hanoi; 30 km from ThoXuan Airport.

2. Area, population

Total natural area of 146.77 km2 with 20 wards and 17 communes; The population is about 406,550 people; It is one of the cities with the largest population size and area in the North; Urban infrastructure, transport, electricity, water supply and telecommunications are relatively synchronous.

3. Investment potential

- Development of urban areas: With the aim of building synchronized and modern urban infrastructure with Sam Son city and Dong Son district; To focus on building a new urban center in the synchronous city, form a model urban area, creating a new face for the city.

- Tourism development: More than 50 national-level relics and monuments at the provincial level have been classified, such as Ham Rong cultural and historical monument, Uncle Ho memorial site, Truc Lam monastery, Temples of Vietnamese heroic mothers and heroic martyrs, Dong Son ancient village; At present, the monuments have been planning, preserving, embellishing and promoting the value associated with tourism development.

- Development of health services: According to the master plan for health development in Thanh Hoa province, by 2030, a comprehensive system of health services will be established to serve the needs of people in the province and patients from neighboring or other provinces;

hoặc các tỉnh khác; hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đang định hướng quy hoạch phát triển thành phố y tế tại thành phố Thanh Hóa.

- Phát triển dịch vụ giáo dục và đào tạo: Với vị trí là trung tâm về giáo dục và đào tạo của tỉnh, thành phố Thanh Hóa có hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo, dạy nghề tương đối đồng bộ, tập trung nhiều giáo viên, giảng viên có trình độ cao; cùng với nhu cầu học tập, đào tạo nâng cao trình độ của nhân dân, người lao động còn rất lớn, là điều kiện thuận lợi cho phát triển dịch vụ giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố, nhất là dịch vụ giáo dục, đào tạo chất lượng cao.

- Phát triển Khu Công nghệ thông tin tập trung của tỉnh: Là một trong các giải pháp đột phá, tạo môi trường, chính sách thu hút và thành lập các doanh nghiệp CNTT, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm phần mềm, nội dung số đủ điều kiện cung cấp trên thị trường trong và ngoài nước; từng bước đưa công nghệ CNTT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh nhằm góp phần xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh theo chiều sâu đáp ứng phát triển bền vững.

At present, Thanh Hoa province is orienting the development planning of a health city in Thanh Hoa city.

- Development of education and training services: As a center of education and training of the province, Thanh Hoa city has a system of education, training, and vocational training which is relatively synchronized. Many teachers and lecturers are highly qualified; The significantly high demand for education and training of people and laborers are great conditions for the development of education and training services in the city, especially high quality education and training services.

- Development of the Concentrated Information Technology Park in Thanh Hoa province is one of the breakthrough solutions to create the environment and policies to attract and establish IT companies, train and develop human resources, promote the development of qualified software products and digital content to bring to local and international markets. These dynamics will gradually turn information technology into a key economic sector of the province to partly contribute to the formation of the in-depth socio-economic growth model for the provincial sustainable development.



IV. TP. SẦM SƠN

1. Vị trí

Thành phố Sầm Sơn là đô thị ven biển, trung tâm du lịch, dịch vụ nghỉ mát - nghỉ dưỡng nổi tiếng của tỉnh và cả nước; cách trung tâm thành phố Thanh Hóa 15 km về phía Đông; có các tuyến đường lớn chạy quan như: Quốc lộ 47, Đại lộ Nam sông Mã, đường từ ngã ba Voi đi Sầm Sơn.

2. Diện tích, dân số

Thành phố Sầm Sơn hiện có 11 xã, phường, với tổng diện tích 44,94 km²; dân số 150.902 người.

3. Tiềm năng đầu tư

Với bờ biển dài hơn 10 km, có bãi biển đẹp nổi tiếng trong nước và quốc tế; có dãy núi Trường Lệ và hơn 16 di tích lịch sử đã được xếp hạng, tiêu biểu như Đền Độc Cước, Đền Cô Tiên, Hòn Trống Mái; bên cạnh đó, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông thuận lợi, kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, là điều kiện hết sức thuận lợi cho phát triển du lịch, nhất là phát triển triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng cao cấp.



IV. SAM SON CITY

1. Location

Sam Son city is a coastal city, tourist center, famous for resort services of the province and the whole country; 15 km east of downtown Thanh Hoa; There are major roads running as Highway 47, Ma River Boulevard, and Voi crossroad.

2. Area, population

Sam Son City currently has 11 communes and wards with the total area of 44.94 km²; Population 150,902 people.

3. Investment potential

With a coastline of over 10 km, there are domestic and internationally famous and beautiful beaches; There are Truong Le Mountains and more than 16 historical monuments which have been classified, such as the Temple of Literature, Co Tien temple, Trong Mai temple; In addition, favorable transportation infrastructure, synchronous and modern urban infrastructure are favorable conditions for tourism development, especially the development of luxury resort and tourist services.

V. KHU DU LỊCH BIỂN HẢI HÒA

1. Vị trí

Khu du lịch biển Hải Hòa nằm trên địa bàn huyện Tĩnh Gia và Khu kinh tế Nghi Sơn; cách thành phố Thanh Hóa khoảng 40 km; cách Cảng hàng không Thọ Xuân khoảng 60 km; có Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam chạy qua.

2. Quy hoạch

Tổng diện tích quy hoạch khu du lịch biển Hải Hòa là 154 ha, trong đó:

- Đất khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái biển bốn mùa (giai đoạn 1): 23,3 ha.
- Đất công trình dịch vụ ven biển và bãi cát (tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái biển bốn mùa giai đoạn 1) 10,6 ha.
- Đất khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái biển bốn mùa (giai đoạn 2): 58,5 ha.
- Đất công trình dịch vụ ven biển và bãi cát (tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái biển bốn mùa giai đoạn 2): 12 ha.
- Đất giao thông đối ngoại: 3,5 ha.
- Đất các khu chức năng: Khu các công trình công cộng 4,71 ha; khu khách sạn nhà nghỉ 11,96 ha; khu công viên cây xanh, công trình dịch vụ ven biển và bãi tắm 43,76 ha; cải tạo nhà ở và cải tạo khu dân cư.

3. Tiềm năng đầu tư

Với bãi biển dài gần 10 km, khung cảnh thiên nhiên đẹp và hoang sơ, cùng với hệ thống di tích, thắng cảnh độc đáo như: biển Nghi Sơn gần với vịnh đảo, làng biển Do Xuyên, động Trường Lâm, đền Lạch Bạng, pháo đài Tĩnh Hải... và hệ thống giao thông thuận tiện, là điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch, nhất là du lịch nghỉ dưỡng biển.

V. HAI HOA BEACH RESORT AREA

1. Location

HaiHoa beach resort is located in Tinh Gia district and Nghi Son economic zone; About 40 km from Thanh Hoa city; about 60 km from ThoXuan Airport; National Highway 1A and North-South railway run through.

2. Planning

The total planning area of HaiHoa beach resort is 154 ha, of which:

- Land for eco-tourist four seasons resort (phase 1): 23.3 ha.
- Land for coastal services and sandy beach (ecotourist four seasons complex phase 1): 10.6 ha.
- Land for eco-tourist four seasons resort (phase 2): 58.5 ha.
- Land for coastal services and sandy beach (ecotourist four seasons complex phase 2): 12 ha.
- Land for external communication and traffic: 3.5 hectares.
- Land for functional areas: Public works area 4.71 hectares; hotels area 11.96 hectares; Green parks, coastal service works 43.76 ha; housing and residential areas renovation.

3. Investment potential

With a nearly 10 km long beach and wild & beautiful natural scenery, along with unique monuments such as Nghi Son beach attached to the island bay, Do Xuyen sea village, Truong Lam cave, Lach Bang temple, Tinh Hai Fortress, etc. and convenient transportation system, HaiHoa has favorable conditions for tourism development, especially beach resorts.

VI. KHU DU LỊCH BIỂN HẢI TIỀN

1. Vị trí

Khu du lịch biển Hải Tiến nằm trên địa bàn xã Hoằng Trường, Hoằng Hải, Hoằng Tiến, Hoằng Thanh, Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; cách thành phố Thanh Hóa khoảng 25 km về phía Bắc; cách thủ đô Hà Nội khoảng 130 km; cách Quốc lộ 1A khoảng 10 km.

2. Quy hoạch

Tổng diện tích quy hoạch đến năm 2020 là 400,64 ha.

3. Tiềm năng đầu tư

Với bãi biển dài, khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và hoang sơ; có rừng phi lao che phủ và trải dài hơn 12 km bờ biển; bên cạnh đó có các dãy núi bao quanh, là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, nhất là các khu resort nghỉ dưỡng cao cấp.

VI. HAI TIEN BEACH RESORT AREA

1. Location

HaiTien beach resort area is located in the wards of Hoang Truong, Hoang Hai, Hoang Tien, Hoang Thanh, Hoang Phu, Hoang Hoa district, ThanhHoa province; About 25 km north of ThanhHoa city; About 130 km from Hanoi capital; about 10 km from National Highway 1A.

2. Planning

The total planning area to 2020 is 400.64 hectares.

3. Investment potential

With long beaches, and wild & beautiful natural scenery; casuarina covers over 12 km of coastline; besides, there are surrounding mountains, which are favorable conditions to develop tourism, especially luxury resorts.



PHẦN THỨ TƯ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Tỉnh Thanh Hóa áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo nguyên tắc nhà đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất về quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ ở mức thấp nhất trong khung quy định. Ngoài những quy định chung của pháp luật hiện hành, tùy theo quy mô, tính chất của từng dự án, trên cơ sở đề nghị của các nhà đầu tư, tỉnh Thanh Hóa sẽ xem xét hỗ trợ đặc biệt đối với các dự án lớn, có vai trò quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một số quy định cụ thể như sau:



I. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO TỈNH THANH HÓA (NGOÀI KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP)

1. Chính sách của Trung ương

PART IV INVESTMENT INCENTIVE POLICIES

ThanhHoa province applies investment incentive policies on the principle that investors can have the highest incentives in terms of rights and lowest obligations in the regulatory framework. In addition to the general provisions of the current law, depending on the size and nature of each project, on the basis of consideration of the proposal of investors, the province will have special support for large projects, which play an important role in promoting the process of economic restructuring and creating a breakthrough in the socio-economic development of the province. Some specific provisions are as follows:

I. INVESTMENT INCENTIVE POLICIES IN THANH HOA PROVINCE (OUTSIDE NGHI SON ECONOMIC ZONE AND INDUSTRIAL ZONES)

1. Governmental policies

1.1. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước (quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ)

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

- Miễn từ 3 năm đến 15 năm (sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản) đối với từng loại dự án thuộc các địa bàn ưu đãi khác nhau

1.2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015)



Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư, tùy vào lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư được

1.1. Land and water surface rent incentives (according to Government Decree No. 46/2014 / ND-CP dated 15/5/2014 and Government Decree No. 123/2017 / ND-CP dated 14/11/2017)

- Exemption from land rent or water surface rent for projects in the domains eligible for special investment incentives invested in extremely difficult socio-economic regions; The projects use land to build houses for workers in industrial zones.

- Land rents and water surface rents shall be exempt during the time of capital construction under projects approved by competent authorities, which, however, must not exceed 3 years as from the date of issuance of decisions on land or water surface rent.

- Exemption from 3 years to 15 years (after the time of exempting land rent, water surface rent for capital construction) for each type of projects in different preferential areas.

1.2. Enterprise income tax incentives (as stipulated in Decree No. 218/2013 / ND-CP dated 26/12/2013 by the Government and Decree No. 12/2015 / ND-CP dated 12/02/2015 by the Government)

Newly-established enterprises from investment projects, depending on the fields and geographical areas

hưởng thuế suất ưu đãi với mức 10% - 17%, áp dụng trong vòng 10 năm, 15 năm hoặc suốt thời gian hoạt động; đồng thời, được miễn thuế từ 2 - 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 4 - 9 năm tiếp theo.

1.3. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ)

Nhà đầu tư được miễn thuế trong các trường hợp:

- Hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu; hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu.

- Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu; hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư.

- Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí; dự án, cơ sở đóng tàu thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế của dự án đầu tư (miễn trong thời hạn 05 năm).

1.4. Ưu đãi đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ)

entitled to investment incentives enjoy a preferential tax rate of between 10% and 17%, applicable for 10 years, 15 years or throughout the operation duration. At the same time, tax exemption from 2-4 years and 50% reduction of tax in the next 4 - 9 years.

1.3. Import tax and export tax incentives (according to the Government's Decree No. 134/2016 / ND-CP dated 01/9/2016)

Investors are exempt from tax in the following cases:

- Goods imported for processing, processed products for export; Goods exported for processing, processed products for import.

- Goods imported for the production of export products; Goods imported to create fixed assets of the subjects entitled to investment incentives.

- Goods imported for petroleum activities; Projects, shipbuilding establishments on the list of industries eligible for investment incentives.

- Raw materials, supplies and components which cannot be produced at home and are imported for production under investment projects on the list of specially encouraged industries or trades or areas with specially difficult socio-economic conditions; production and assembly of medical equipment of the investment project (exemption within 05 years).

1.4. Incentive treatment for investment projects in agriculture and rural areas (as stipulated in Decree No. 57/2018 / ND-CP dated 17/4/2018 by the Government).



- Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư) được Nhà nước giao đất hoặc được chuyển mục đích đất để làm nhà ở cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật đất đai được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi.

- Được thuê với mức giá thấp nhất theo khung giá thuê đất do UBND tỉnh quy định đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.

1.5. Ưu đãi và các chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp (quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008)

- An enterprise that has an agriculture project (which is eligible for either special investment incentives or investment incentives, or is an encouraged agriculture project) shall have a land area allocated by the Government or be permitted to change the use purpose of an existing land area for building house for workers as prescribed in Article 55 of the Law on land and exempted from payment of fees for changing land use purpose and the land levy of that land area after change of use purpose.

- To be rented at the lowest price according to the land rent frame prescribed by the provincial People's Committee for incentive agricultural investment projects or encouraged agricultural investment projects.

1.5. Incentive policies for socialization activities in the fields of education, vocational training, health, culture, sports, environment, judicial expertise (as stipulated in Decree 69 Decree No. 59/2014/ND-CP dated 16/6/2014 of the Government about amending and supplementing some articles of the Decree No. 69 / 2008 / ND-CP dated 30/5/2008)



- Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo các hình thức cho thuê đất và miễn tiền thuê đất miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa mới thành lập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo.

2. Chính sách của tỉnh Thanh Hóa

2.1. Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường trên địa bàn tỉnh (quy định tại Quyết định số 4294/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

- Establishments conducting socialization activities are allocated or leased land by the government for construction of socialization works in the form of land lease and land rent exemption in the rental period.

- The socialization establishments earning incomes from social mobilization shall enjoy the enterprise income tax rate of 10% throughout the operation duration.

- Newly established socialization establishments shall be exempted from corporate income tax for 4 years after the taxable income is generated and a 50% reduction of enterprise income tax for 5 subsequent years.

2. Policy of Thanh Hoa province

2.1. Policy on encouraging socialization of activities in the fields of education, vocational training, health care, culture, sport and environment in the province (according to Decision No. 4294/2011 / QĐ-UBND)



a) Đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, môi trường: Được miễn 100% tiền sử dụng đất, thuê đất.

b) Đối với lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế:

- Các cơ sở thực hiện xã hội hoá đầu tư vào lĩnh vực: Đông y, điều dưỡng và phục hồi chức năng, bảo trợ xã hội, chăm sóc người tàn tật, trẻ em mồ côi, dạy nghề cho người tàn tật, dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Được miễn 100% tiền sử dụng đất, thuê đất không phân biệt địa bàn đầu tư.

- Các cơ sở thực hiện xã hội hoá đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế còn lại:

+ Giảm 60% tiền sử dụng đất, thuê đất đối với các dự án đầu tư tại các phường thuộc thành phố Thanh Hóa.

+ Giảm 80% tiền sử dụng đất, thuê đất đối với các dự án đầu tư tại các xã thuộc thành phố Thanh Hóa, các phường thuộc thị xã Bim Sơn và thành phố Sầm Sơn.

+ Được miễn tiền sử dụng đất, thuê đất đối với các dự án

a) For culture, sports and environment: 100% land use or land rent exemption.

b) For education, vocational training and health:

- The establishments conducting socialization investment in the fields of Eastern medicine, nursing and rehabilitation, social protection, care for the disabled, orphans, vocational training for the disabled, teaching Children in particularly difficult circumstances: 100% land use, land rent exemption regardless of the investment area.

- The establishments conducting socialization investment in the fields of other education, vocational training, health care:

+ 60% reduction of land use fee, land rent for investment projects in wards of Thanh Hoa city.

+ 80% reduction of land use fee, land rent for investment projects in communes of Thanh Hoa city, wards of Bim Son town and Sam Son city.

+ To be exempt from land

đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn, các xã, thị trấn còn lại thuộc thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn và các huyện của tỉnh Thanh Hóa.

c) Các chính sách khác thực hiện theo quy định Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

2.2. Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa (quy định tại Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 832/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp: 07 - 2,3 tỷ đồng/ha tùy theo địa bàn (tối đa không quá 20 - 40 tỷ đồng/cụm công nghiệp).

- Hỗ trợ dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào các huyện miền núi:

+ Hỗ trợ san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và xử lý chất thải: 01 - 02 tỷ đồng/ha tùy theo địa bàn.

+ Hỗ trợ chi phí đào tạo lao động: 0,7 - 1,5 triệu đồng/người

use fee and land rent for investment projects in Nghi Son economic zone, other communes and towns of Sam Son city, Bim Son town and districts of Thanh Hoa province.

c) Other policies shall comply with the Government's Decree No. 69/2008/ND-CP of May 30, 2008, on socialization policies in the fields of education, vocational training, health care, culture, sports, and environment.

2.2. Policy on encouraging the development of industry, small industry and commerce in Thanh Hoa province (Resolution No. 29/2016/NQ-HĐND dated 08/12/2016 of the Provincial People's Council and Decision No.832 / 2017 / QĐ-UBND dated March 21, 2017 of Provincial People's Committee)



- Support for investment in the construction of industrial complex infrastructure: VND7-2.3bil / ha, depending on the area (maximum VND20 - 40bil/ cluster).

- Support investment projects in industrial production, small industry in mountainous districts:

+ Support ground leveling, infrastructure for traffic, electricity, water, workshops and waste treatment: 01 - 02 billion VND / ha depending on the location.

+ Support for labor training costs: 0.7-1.5 million VND / person depending on the

tùy theo địa bàn và sử dụng lao động.

- Hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp: 300 triệu đồng/làng nghề.

- Hỗ trợ tiền thuê đất đầu tư chợ: 30 - 100% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất để thực hiện dự án kinh doanh khai thác chợ, tùy theo địa bàn.

2.3. Chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2021 (quy định tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 721/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



- Hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt: 320.000 đồng/tấn, gồm:

+ Dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu xử lý chất thải rắn xã Đông Nam, huyện Đông Sơn (công suất 500 tấn/ngày đêm) bằng công nghệ hỗn hợp.

+ Các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc 04 khu xử lý trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch (công suất 200 tấn/ngày đêm) bằng công nghệ đốt.

+ Các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các địa điểm khác trên địa bàn tỉnh (công suất trên 100 tấn/ngày.đêm) bằng công nghệ đốt.

- Hỗ trợ toàn bộ kinh phí đầu

location and employer.

- Support for development of cottage industry: VND 300 million / craft village.- Support for land rental for market investment: 30

- 100% of land rent for the whole duration of land lease for the projects of exploiting the market, depending on the location.

2.3. Policy on support for solid waste treatment in Thanh Hoa province, 2016-2021 (Resolution No. 28/2016 / NQ-HĐND dated 08/12/2016 of the Provincial People's Council and Decision No. 721/2017 / QĐ-UBND dated March 9, 2017)



- Assistance for daily-life solid waste: VND 320,000 / ton, including:

+ Solid waste treatment project at Dong Nam commune, Dong Son district (capacity of 500 tons / day and night) with mixed technology.

+ Projects on daily-life solid waste treatment in four key treatment zones of the province under planning (with a capacity of 200 tons / day and night) by burning technology.

+ Solid waste treatment projects at other locations in the province (capacity of over 100 tons / day and night) by burning technology.

- All financial support for

tư xây dựng công trình hạ tầng ngoài dự án (đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện) nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực đối với các dự án trên.

2.4. Chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 (quy định tại Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



- Hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung:

+ Đối với sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh: hỗ trợ 1 lần 170 triệu đồng/ha đối với vùng đồng bằng, ven biển và 200 triệu đồng/ha đối với vùng miền núi để xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng của vùng sản xuất tập trung, nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP; hỗ trợ kinh phí thuê chứng nhận VietGAP cho rau an toàn 7 triệu đồng/ha; hỗ trợ kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem 16 triệu đồng/ha/năm đối với vùng đồng bằng, ven biển và 18 triệu đồng/ha/năm đối với vùng miền núi.

+ Đối với sản xuất rau an toàn trong nhà lưới: Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng

the construction of infrastructure works outside the project (roads, water supply and drainage systems, and electricity systems) shall be supported for these aforementioned projects.

2.4. Policy on encouraging the restructure of Thanh Hoa's agricultural sector between 2016-2020 (stipulated in the Decision No. 5643/2015 / QĐ-UBND dated 31/12/2015 by the People's Committee of Thanh Hoa province)



- Support for the development of concentrated safe vegetable production:

+ For concentrated safe vegetable production: a one-time allowance of VND 170 million/ha for delta and coastal areas and VND 200 million/ha for mountainous areas for constructing and upgrading the infrastructure of the concentrated area, the factory of preliminary treatment and safe vegetable product packing plants to meet VietGAP technical requirements; financial support for VietGAP certification of safe vegetables with 7 million VND / ha; support for quality control and stamping with 16 million VND/ha per year for the delta and coastal areas and 18 million VND/ hectare for mountainous areas.

+ For safe vegetable production in green house: One-time support for investment, construction of green house for vegetable

nhà lưới phục vụ sản xuất rau an toàn 50.000 đồng/m².

+ Đối với tiêu thụ sản phẩm rau an toàn: Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn 50 triệu đồng/cửa hàng đặt tại các phường thuộc thị xã, thành phố và 30 triệu đồng/cửa hàng đặt tại các xã, thị trấn còn lại.

- Hỗ trợ mua máy thu hoạch mía và hệ thống tưới mía mặt ruộng:

+ Hỗ trợ kinh phí mua máy thu hoạch mía: Quy mô sản xuất cứ 50 ha được hỗ trợ mua 01 máy thu hoạch mía (mấy mới) có công suất thu hoạch 120 tấn/ngày trở lên, với mức hỗ trợ bằng 20% giá mua máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định, nhưng tối đa không quá 1.500 triệu đồng/máy.

+ Hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới mía mặt ruộng: Hỗ trợ 01 lần kinh phí xây dựng hệ thống tưới theo quy định, với mức hỗ trợ 15 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ phát triển vùng luân thâm canh: Hỗ trợ phân bón năm thứ nhất và năm thứ hai để thực hiện thâm canh rừng luồng, mức hỗ trợ 2 triệu đồng/ha/năm.

- Hỗ trợ sản xuất tập trung quy mô lớn: Hỗ trợ kinh phí thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân trong 5 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, cụ thể: Hỗ trợ kinh phí thuê đất 3 triệu đồng/ha/năm để sản xuất lúa, lúa đặc sản, ngô, mía, ngô dày, cỏ làm thức ăn gia súc và cây ăn quả (cam, bưởi); hỗ trợ kinh phí thuê mặt nước 4 triệu

production is 50,000 VND/m².

+ For consumption of safe vegetable products: support for the cost of renting or building new safe vegetable shops with the capacity of VND 50 million / shops located in wards of provincial towns and cities and VND 30 million / store in other communes and towns.

- Support to buy sugarcane harvesting machines and irrigation cane fields:

+ Financial support for sugarcane harvesting machines: The scale of production of each 50 ha will be supported to buy 01 sugarcane machines (new machines) with the capacity of 120 tons / day or more, with the support level of 20% of its purchase price on the sales invoice as prescribed, but not exceeding VND 1,500 million / machine.

+ Support for construction of irrigation system on the field: One – time support for the construction of irrigation system based on the regulations, with the support level of 15 million VND / ha.

+ Support for the development of intensive cultivation zone of dendrocalamus: support for fertilizer in the first and second years to implement intensive cultivation of dendrocalamus with the support level of 2 million VND / ha / year.

- Support for large-scale concentrated production: Financial support for land rent and water surface rent of households and individuals for 5 years after the project comes into operation, including: 3 million VND / ha / year for rice production, specialty rice, maize, sugar cane, thick corn, fodder

đồng/ha/năm để nuôi cá rô phi thâm canh gắn với chế biến xuất khẩu; hỗ trợ kinh phí thuê mặt nước 6 triệu đồng/ha/năm để nuôi tôm he chân trắng thâm canh.

- Hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt: Hỗ trợ sản xuất khoai tây, cà chua, bí xanh, hành, tỏi, rau màu 5 triệu đồng/ha canh tác/năm; hỗ trợ sản xuất ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu 3 triệu đồng/ha canh tác/năm; hỗ trợ sản xuất ngô dày và cỏ các loại làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt 2 triệu đồng/ha canh tác/năm; hỗ trợ 1,5 triệu đồng/ha canh tác/năm để sơ chế, bảo quản nông sản, tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng: UBND tỉnh Thanh Hóa bố trí 100% kinh phí để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng sạch cho các doanh nghiệp để xây dựng cơ sở chế biến nông, lâm sản; các cơ sở giết mổ tập trung và các cơ sở sản xuất giống tôm he chân trắng, cá rô phi đơn tính trên địa bàn tỉnh theo quy định (không hỗ trợ diện tích giải phóng mặt bằng ao ương, nhân giống).

grass and fruit trees (oranges, pomelo); 4 million VND / ha / year for water surface rent for intensive tilapia farming in association with the processing for export; support for water surface rent with 6 million VND / ha / year for intensive white shrimp farming.

- Support for joint production and crop cultivation: support for the production of potatoes, tomatoes, pumpkins, onions, garlic, vegetables with 5 million / ha of cultivation per year; support to produce sweet corn, baby corn, baby melon, export melon, chilli for export with 3 million VND / ha of cultivation year; support for the production of thick maize and grass for dairy cattle, beef cattle with 2 million per ha of cultivation per year; support 1.5 million VND / ha of cultivation per year to pre-processing, the preservation of agricultural products, markets expansion.

Support for ground clearing: The People's Committee of Thanh Hoa province shall allocate 100% of the budget to compensate the ground clearance and hand over the clean ground to the enterprises for the construction of agricultural and forest product processing establishments. Concentrated slaughterhouses and hatcheries of white leg shrimps and unisex tilapia in the province as regulated (no support for nursery and nursery grounds).



II. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Ngoài những chính sách ưu đãi đầu tư áp dụng chung cho tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nêu trên, dự án đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cao nhất theo quy định đối với địa bàn đầu tư có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư năm 2014.

II. INCENTIVE POLICIES TO SUPPORT INVESTMENT IN INDUSTRIAL ZONES IN THE PROVINCE

In addition to the incentive investment policies applicable to all investment projects in the province mentioned above, investment projects in industrial zones in Thanh Hoa province are entitled to the highest investment incentives and supports, according to regulations for areas with difficult socio-economic conditions under Clause 2, Article 16 of the Investment Law 2014.



1. Chính sách của Trung ương

1.1. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước (không áp dụng đối với các khu công nghiệp thuộc địa bàn thành phố Thanh Hóa và dự án thuê lại đất của nhà đầu tư hạ tầng)

1. Government incentives

1.1. Land and water surface rent incentives (Not applicable to industrial zones in Thanh Hoa city and subleasing projects of infrastructure investors)

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm; miễn từ 07 - 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động tùy theo lĩnh vực ngành nghề dự án.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với dự án thuộc một số lĩnh vực theo quy định của Chính phủ.

1.2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Tùy theo ngành nghề và lĩnh vực, dự án đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Chính sách của tỉnh Thanh Hóa

Chính sách khuyến khích hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa (quy định tại Quyết định số 3667/2013/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa): Tổ chức, cá nhân có công vận động các dự án đầu tư nằm trong danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được thưởng theo quy mô vốn đầu tư của dự án, mức thưởng tối đa là 500 triệu đồng.

- Exemption from land rent or water surface rent during the capital construction period but not exceeding 3 years; Exemption from 7 - 15 years from the date the project comes into operation depending on the field of project industry.

- Exemption of land rent and water surface rent throughout the duration of project implementation for projects in a number of domains according to the Government's regulations.

1.2. Corporate income tax incentives, export tax and import tax

Depending on the industry and field, investment projects in industrial zones in Thanh Hoa province are entitled to investment incentives in accordance with the legal documents about corporate income tax and export tax and import tax.

2. Policy of Thanh Hoa Province

Policy on encouraging investment consultancy services in industrial zones of Thanh Hoa province (according to Decision No. 3667/2013 / QĐ-UBND dated 18/10/2013 by Thanh Hoa People's Committee on the policies to encourage and support investment in Nghi Son EZ and industrial parks in Thanh Hoa province): Organizations and individuals who have merit in mobilizing investment projects on the list of encouraged investment fields in industrial zones in Thanh Hoa province shall be rewarded according to the investment capital scale of the project, 500 million.

III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ NGHỊ SƠN

Ngoài những chính sách ưu đãi đầu tư áp dụng chung cho tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nêu trên, các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn còn được hưởng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc thù, cụ thể như sau:

Khu kinh tế Nghi Sơn được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cao nhất quy định đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư năm 2014.



1. Chính sách của Trung ương

1.1. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản; miễn từ 11 năm đến 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động tùy theo lĩnh vực ngành nghề dự án.

III. INCENTIVE POLICIES, SUPPORTING INVESTMENT IN NGHI SON ECONOMIC ZONE

Apart from the preferential investment policies applicable to all investment projects in the above mentioned province, the investment projects in Nghi Son EZ shall also enjoy a number of preferential policies and special investment supports, specifically as follows:

Nghi Son EZ is entitled to the highest incentives and investment support for areas with specially difficult socio-economic conditions under Clause 2, Article 16 of the Investment Law 2014.

1. Government policies

1.1. Incentives on land rent, water surface rent

- Exemption from land rent, water surface rent during construction time; Exemption from 11 years to 15 years from the date the project comes into operation depending on the field of the project.

- Exemption of land rent and

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ.

1.2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

- Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao; dự án có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khu vực thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài tối đa 30 năm.

1.3. Ưu đãi về thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu

- Miễn thuế nhập khẩu hàng hoá để tạo tài sản cố định, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ phục vụ dự án đầu tư, phương tiện đưa đón công nhân,...

- Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 5 năm, kể từ khi dự án đi vào sản xuất đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà Việt Nam chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

1.4. Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân

water surface rent throughout the duration of project implementation for projects in the field of special investment incentives - as stipulated by the Government.

1.2. Corporate income tax incentives

- The enterprise income tax rate is applied 10% for 15 years after the investment project starts its business; To be exempt from corporate income tax for four years from the time the taxable income is generated and a 50% reduction of the payable tax for the next nine years.

- Projects in the field of high technology; For projects of large scale and significant importance for the development of branches and domains or the socio-economic development of the province and its regions, the preferential tax rates may be extended for up to 30 years. .

1.3. Preferential import tax, export tax

- Exemption of import tax on goods for creation of fixed assets and specialized means of transportation included in technological lines in service of investment projects, means of transporting workers, etc.

- Exemption of import tax for a period of 5 years from the date the project goes into production for production raw materials, supplies, components and semi-finished products that Vietnam has not yet produced or under standard quality.

1.4. Personal income tax incentives

Giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế.

2. Chính sách của tỉnh Thanh Hóa

2.1. Chính sách khuyến khích hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư vào Khu Kinh tế Nghi Sơn (quy định tại Quyết định số 3667/2013/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa)

Tổ chức, cá nhân có công vận động các dự án đầu tư nằm trong danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn được thưởng như vận động đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào các KCN số 3, 4, 5 thuộc KKT Nghi Sơn (quy định tại Quyết định số 3667/2013/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa)

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10% chi phí san lấp mặt bằng cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào các khu công nghiệp số 3, 4, 5 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, trên cơ sở hồ sơ quyết toán được Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp thẩm định; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/ha.

50% reduction of income tax on income earners, including Vietnamese and foreigners working in the economic zone.

2. The policies of Thanh Hoa province

2.1. Policy on encouraging investment consultancy services in Nghi Son Economic Zone. (Decision No. 3667/2013 /QĐ-UBND dated 18/10/2013 of Thanh Hoa PPC on promulgation of incentive and support policies Invest in Nghi Son EZ and industrial zones in Thanh Hoa province).

Organizations and individuals who have made meritorious contributions to the mobilization of investment projects on the list of those encouraged for investment in Nghi Son EZ shall be rewarded as mobilizing investment in industrial parks in Thanh Hoa province.

2.2. Support policy for enterprises with investment projects in industrial parks of Nghi Son EZ No. 3, 4 and 5. (Decision No. 3667/2013 /QĐ-UBND dated 18/10/2013 of Thanh Hoa PPC on promulgation of incentive and support policies Invest in Nghi Son EZ and industrial zones in Thanh Hoa province).

Provincial budget supports 10% of leveling costs for enterprises having investment projects in industrial parks of Nghi Son EZ No. 3, 4 and 5 on the basis of finalization dossiers approved by the Nghi Son EZ Management Board, the maximum support level does not exceed 500 million VND / ha.

PHẦN THỨ NĂM ĐƠN GIÁ THUÊ ĐẤT VÀ MỘT SỐ CHI PHÍ KHÁC

1. Đơn giá thuê đất

1.1. Phương pháp tính đơn giá thuê đất

- Đơn giá thuê đất = Tỷ lệ % đơn giá thuê đất x giá đất (theo mục đích sử dụng đất thuê do UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành và công bố hàng năm).

- Đơn giá thuê đất của mỗi dự án được ổn định 05 năm.

1.2. Đơn giá thuê đất

a) Áp dụng theo khu vực

STT No.	Khu vực/ Area	Tỷ lệ % đơn giá thuê đất (The percentage (%) of the unit price of land rent)
1	Thành phố Thanh Hóa/ Thanh Hoa city	1,2
2	Thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn (không bao gồm các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển) Sam Son city, Bim Son town (excluding all poor or extremely difficult coastal communes)	1,1
3	Các huyện Đồng Bàng (trừ xã Miền núi): Đông Sơn, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Yên Định, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Nông Công, Thọ Xuân, Hậu Lộc, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Nga Sơn, Tĩnh Gia All the plain suburban districts (excluding mountainous communes): Dong Son, Hoang Hoa, Quang Xuong, Yen Dinh, Thieu Hoa, Trieu Son, Nong Cong, Tho Xuan, Hau Loc, Vinh Loc, Ha Trung, Nga Son, Tinh Gia	1,0
4	Các huyện miền núi thấp và các xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng Như Thanh, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển All the suburban districts of low mountain và mountainous communes of the plain suburban districts: Nhu Thanh, Cam Thuy, Ngọc Lạc, Thạch Thanh and all poor and extremely difficult coastal communes	0,75
5	Các huyện miền núi cao Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Lang Chánh, Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát All the suburban districts of high mountain: Nhu Xuan, Thuong Xuan, Ba Thuoc, Lang Chanh, Quan Son, Quan Hoa, Muong Lat	0,50

PART V

UNIT PRICE OF LAND RENT AND OTHER EXPENSES

1. Unit price of land rent

1.1. Methods of calculation for the unit price of land rent

- Land rent unit = the percentage (%) of unit price of land rent x land costs (according to the purpose of land use promulgated and announced by the People's Committee of Thanh Hoa province annually).

- Unit price of land lease of each project is stable 05 years.

1.2. Unit price of land rent

a. Applied by the areas

b) Áp dụng theo dự án đầu tư, lĩnh vực đầu tư được ưu đãi và đặc biệt ưu đãi.

- Các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư; đất sử dụng làm mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

b. Applied by investment projects, investment fields with preferential and special incentives.

- Investment projects in industrial parks, projects in the field of investment incentives, land used for agricultural production, forestry, aquaculture, salt production:

STT No.	Khu vực/ Area	Tỷ lệ % đơn giá thuê đất (The percentage (%) of the unit price of land rent)
1	Thành phố Thanh Hóa/ Thanh Hoa city	0,85
2	Thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn Sam Son city and Bim Son Town	0,80
3	Các huyện Đồng Bằng (trừ xã miền núi): Đông Sơn, Hoảng Hóa, Quảng Xương, Yên Định, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Nông Công, Thọ Xuân, Hậu Lộc, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Nga Sơn, Tĩnh Gia All the plain suburban districts (excluding mountainous communes): Dong Son, Hoang Hoa, Quang Xuong, Yen Dinh, Thieu Hoa, Trieu Son, Nong Cong, Tho Xuan, Hau Loc, Vinh Loc, Ha Trung, Nga Son, Tinh Gia	0,75
4	Các huyện miền núi thấp và các xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng: Như Thanh, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành All the suburban districts of low mountain and mountainous communes of the plain suburban districts: Nhu Thanh, Cam Thuy, Ngoc Lac, Thach Thanh	0,60
5	Các huyện miền núi cao: Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Lang Chánh, Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát All the suburban districts of high mountain Nhu Xuan, Thuong Xuan, Ba Thuoc, Lang Chanh, Quan Son, Quan Hoa, Muong Lat	0,50

- Các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Nghi Sơn và dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư: 0,50%.

2. Một số chi phí khác tại Khu Kinh tế Nghi Sơn và vùng phụ cận

- Giá điện (22KV - 110KV):

- Investment projects in Nghi Son economic zone (EZ) and investment projects in the fields of special investment incentives: 0.50%.

2. Some other expenses in Nghi Son Economic Zone and its vicinity

- Electricity price (22KV -

Theo bảng giá của EVN 0.04 - 0,12 USD/Kwh (sản xuất công nghiệp); 0,07 - 0,16 USD/Kwh (sinh hoạt);

- Giá nước: 0,3 - 0,59 USD/m³ (sinh hoạt) và 0,78 USD/m³ (sản xuất công nghiệp);

- Phí các dịch vụ phụ trợ (điện thoại, fax, internet...): Được xác định bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tùy theo thời điểm;

- Giá thuê phòng khách sạn: 10 - 250 USD/phòng/ngày đêm (theo chất lượng dịch vụ);

- Chi phí vận chuyển: Taxi: 0,45 - 0,7 USD/km; thuê xe tự lái: 35 - 70 USD/ngày đêm (tùy theo chất lượng xe); giá vé máy bay 1 chiều từ Thanh Hóa đi Thành phố Hồ Chí Minh 100 - 120 USD/người/1 chiều.

- Thuê xe theo tháng: 600 - 2.000 USD/xe/tháng (tùy theo chất lượng xe).

3. Chi phí nhân công

- Lương tối thiểu dành cho lao động chưa có tay nghề: 135 USD/người/tháng;

- Mức lương trung bình: 200 USD/người/tháng;

- Mức đóng Bảo hiểm xã hội: 25,5% (trong đó công ty: 17,5%, người lao động: 8%);

- Bảo hiểm y tế: 4,5% (trong đó công ty: 3%, người lao động: 1,5%);

- Bảo hiểm thất nghiệp: 2% (trong đó công ty: 1%, người lao động: 1%).

110KV): According to the price list of EVN 0.04 - 0.12 USD / Kwh (industrial production); 0.07 - 0.16 USD/Kwh (daily life);

- Water price: 0.3 - 0.59 USD/m³ (daily life) and 0.78 USD/m³ (industrial production);

- Fees for auxiliary services (telephone, fax, internet ...): determined by the service provider at a certain period of time;

- Hotel room rates: 10 - 250 USD/ room/ day night (by quality of service);

- Transportation costs: Taxes: 0.45 to 0.7 USD / km; Self-driving car rental: 35 - 70 USD / day (depending on vehicle quality); one-way ticket from Thanh Hoa to Ho Chi Minh City is 100 - 120 USD / person/ way.

- Monthly car rental: 600 - 2,000 USD/ car/ month (depending on the quality of car).

3. Labor cost

- Minimum wage for unskilled labor: 135 USD / person/ month;

- Average salary: 200 USD / person/ month;

- Social insurance premiums: 25,5% (in which the company: 17,5%, laborers: 8%);

- Health insurance: 4.5% (in which the company: 3%, employees: 1.5%);

- Unemployment insurance: 2% (in which the company: 1%, employees: 1%).



PHẦN THỨ SÁU

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư có nhu cầu tìm hiểu, đầu tư tại tỉnh Thanh Hóa sẽ được hướng dẫn, tư vấn miễn phí và thực hiện các thủ tục hành chính bảo đảm nhanh chóng, thuận lợi ngay từ khi chấp thuận chủ trương đầu tư đến khi dự án hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, quy trình như sau:

- Đối với các dự án đầu tư vào KKT Nghi Sơn và các KCN trên địa bàn tỉnh: Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp là cơ quan đầu mối, trực tiếp hướng dẫn, tư vấn và giải quyết hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.

- Đối với các dự án đầu tư ngoài KKT Nghi Sơn và các KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Sở Kế hoạch Đầu tư là cơ quan đầu mối, trực tiếp hướng dẫn và giải quyết hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết hoặc hướng dẫn nhà đầu tư đến các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính theo phân cấp.

- Thời gian thực hiện các thủ tục hành chính đảm bảo ngắn nhất theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa là đầu mối tập trung để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, tư vấn, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

PART VI

PROCEDURES OF INVESTMENT

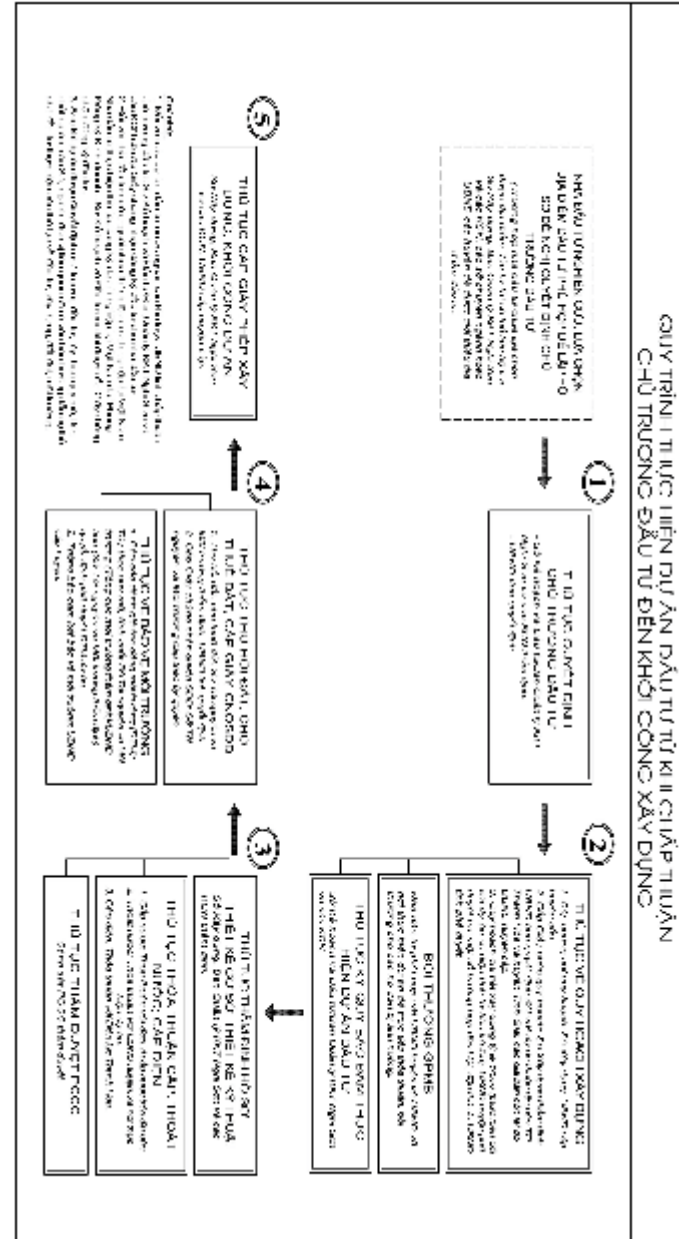
Investors wishing to explore and invest in Thanh Hoa province will be guided and consulted free of charge and carry out administrative procedures quickly and conveniently from the time of the approval for investment policy until the investment procedures were completed and put into operation, with the process as follows:

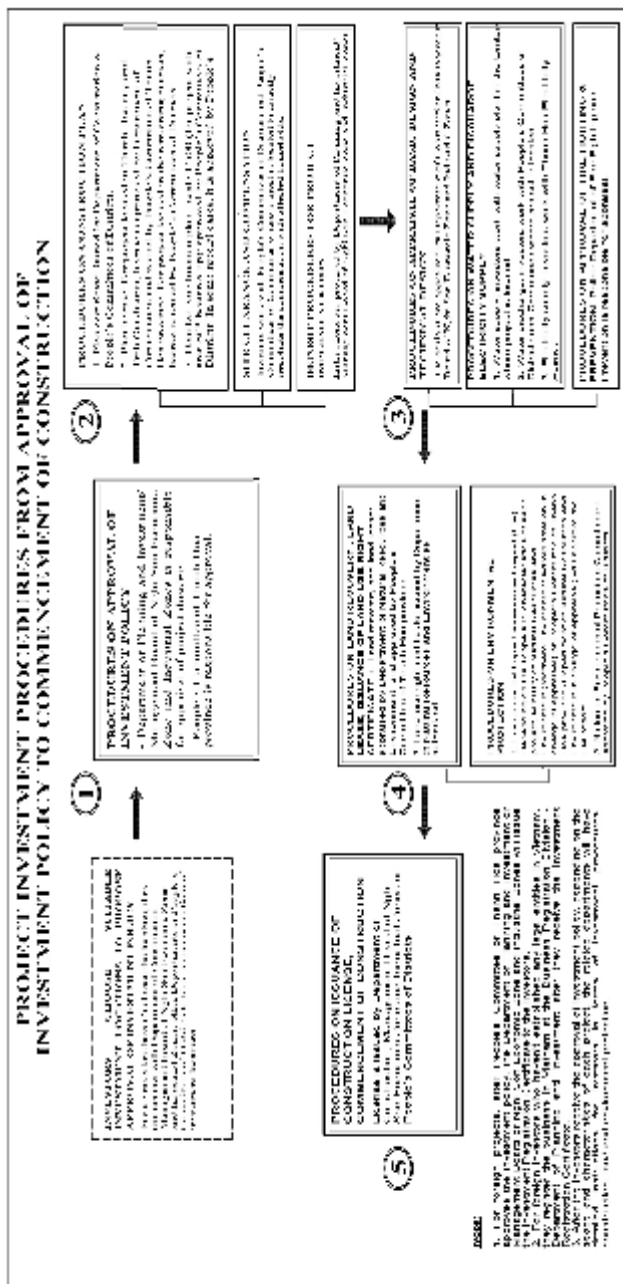
- For investment projects in Nghi Son (economic zone)EZ and other industrial parks in the province: The Management Board of Nghi Son EZ and industrial parks shall act as the focal point, directly guide, consult and deal with or coordinate with relevant agencies in resolving administrative procedures for investors.

- For investment projects outside Nghi Son EZ and industrial parks in Thanh Hoa province: The Department of Planning and Investment in Thanh Hoa shall act as the focal agencies to directly guide and settle or coordinate with relevant agencies to deal with or guide investors to competent agencies, to carry out administrative procedures under the decentralization.

- The shortest period of time to carry out the administrative procedures as prescribed by law.

- Public Administrative Center of Thanh Hoa province is the contact point to receive dossiers, provide consultations and instructions, supervise and urge the settlement of administrative procedures, and return the results to organizations and individuals as per regulations.





PHẦN THỨ BẢY

PART VII

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP (FDI, DDI) ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1902/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

(Kèm theo Quyết định 30/1962/QĐ-ĐND ngày 25 tháng 9 năm 1962 của Chủ tịch ĐND tỉnh Thanh Hóa)

LIST OF PROJECTS ATTRACTING DIRECT INVESTMENT (FDI, DDI) IN THANH HOA PROVINCE BY 2025

(Attached with Decision No. 1902/QĐ-UBND dated 23rd May 2018 by Chairman of the People's Committee of Thanh Hoa province)

Số TT (No)	Tên dự án (Names of project)	Địa điểm đầu tư (Investment location)	Quy mô đầu tư/thông số kỹ thuật chủ yếu (Investment scale and technical specifications)	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu USD) (Proposed investment capital (million USD))	Đầu mối liên hệ (Contact point)
TỔNG CỘNG					
1	Lĩnh vực công nghiệp (Industrial sector)			16,301	
1	Nhà máy sản xuất xơ sợi tổng hợp Synthetic fiber production plant	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	100 nghìn tấn/năm (100,000 tons per year)	500	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN The Management Board of Nghi Sơn economic zone and industrial zones
2	Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (GĐ 2) Nghi Sơn oil refinery and petrochemical plant (phase 2)	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)		5,000	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN The Management Board of Nghi Sơn economic zone and industrial zones
3	Tổng kho dầu thô Crude oil storage	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)		3,000	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN The Management Board of Nghi Sơn economic zone and industrial zones

4	Nhà máy sản xuất Etylen, Etylen diclorua (EDC), Monoethylene Glycol (MEG), Butadien, nhựa PP... <i>Ethylene, Ethylene Dichloride (EDC), Monoethylene Glycol (MEG), Butadiene, PP plant</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	2,5 triệu tấn/năm (2.5 million tons per year)	500	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
5	Nhà máy sản xuất hạt nhựa PVC, PP, PE <i>PVC, PP, PE manufacturing plant</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	100 - 300 nghìn tấn/năm (100,000-300,000 tons per year)	250	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
6	Nhà máy sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol <i>Factory producing methanol and products from methanol</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	600 nghìn tấn/năm (600,000 tons per year)	150	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
7	Nhà máy sản xuất khí công nghiệp <i>Industrial gas production plant</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	100 - 200 nghìn tấn/năm (100,000-200,000 tons per year)	150	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
8	Nhà máy sản xuất cao su tổng hợp <i>Synthetic rubber production plant</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	50 nghìn tấn/năm (50,000 tons per year)	200	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
9	Nhà máy sản xuất nhựa đường <i>Asphalt production plant</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	200 nghìn tấn/năm (200,000 tons per year)	50	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
10	Nhà máy sản xuất và lắp ráp sản phẩm điện máy và đồ gia dụng <i>Factory manufacturing and assembling electrical and home appliances</i>	KCN Hoàng Long; KCN Bim Sơn (Hoàng Long IZ; Bim Son IZ)	180.000 sản phẩm/năm (180,000 products per year)	10	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>

11	Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô, xe máy <i>Automobile and motorcycle spare part manufacturing plant</i>	KCN Bim Sơn (Bim Son IZ)	50.000 xe và 01 triệu sản phẩm phụ tùng/năm (50,000 vehicles and 1 million spare parts per year)	100	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
12	Nhà máy lắp ráp ô tô, máy công nghiệp <i>Automotive and industrial machine assembly plant</i>	KCN Bim Sơn (Bim Son IZ)	30 triệu sản phẩm/năm (30 million products per year)	100	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
13	Nhà máy sản xuất nguyên liệu đông dược và được liệu tổng hợp <i>Factory producing traditional medicine materials and synthetic pharmaceuticals</i>	KCN Ngọc Lặc, KCN Bãi Trành, KCN Thạch Quảng (Ngọc Lặc IZ; Bãi Trành IZ; Thạch Quảng IZ)	Dược liệu chiết xuất, sản xuất được phẩm (Medicinal extracts; Pharmaceutical production)	10	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
14	Nhà máy sản xuất thép không gỉ <i>Stainless steel manufacturing plant</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	200.000 tấn/năm (200,000 tons per year)	150	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
15	Nhà máy sản xuất vỏ container <i>Shipping container manufacturing plant</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	Diện tích 20ha; công suất 60.000 TEUs/năm (Area of 20ha; Capacity of 60,000 TEUs per year)	50	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
16	Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giày da, may mặc <i>Factory producing materials for clothing and footwear industry</i>	KKT Nghi Sơn (Nghi Sơn EZ)	50 triệu sản phẩm/năm (50 million products per year)	50	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>

17	Nhà máy sản xuất động cơ điện, động cơ diesel <i>Factory manufacturing electric engines and diesel engines</i>	KCN Bim Son <i>(Bim Son IZ)</i>	30.000 sản phẩm/năm <i>(30,000 products per year)</i>	50	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
18	Nhà máy sản xuất cáp quang <i>Optical fiber cable manufacturing plant</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng <i>(Lam Son-Sao Vang IZ)</i>	5.000 km/năm <i>(5,000 kilometers per year)</i>	20	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
19	Nhà máy sản xuất cáp và vật liệu điện <i>Factory manufacturing cables and electrical materials</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng <i>(Lam Son-Sao Vang IZ)</i>	30.000 tấn/năm <i>(30,000 tons per year)</i>	25	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
20	Nhà máy sản xuất thức ăn bổ dưỡng, thực phẩm chức năng, sản phẩm dinh dưỡng điều trị <i>Factory producing dietary supplements, functional food and nutritional products</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng <i>(Lam Son-Sao Vang IZ)</i>	7 ha	10	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
21	Nhà máy sản xuất thiết bị lắp ráp động cơ, máy phát điện <i>Factory manufacturing and assembling engines, generators</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng <i>(Lam Son-Sao Vang IZ)</i>	30.000 sản phẩm/năm <i>(30,000 products per year)</i>	18	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
22	Nhà máy sản xuất nấm ăn, nấm thực phẩm công nghệ cao <i>Factory producing edible mushroom with high technology</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng <i>(Lam Son-Sao Vang IZ)</i>	10 ha	20	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
23	Nhà máy sản xuất lắp đặt khung vỏ linh phụ kiện điện thoại công nghệ cao <i>Factory manufacturing and installing smartphone cases and accessories</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng <i>(Lam Son-Sao Vang IZ)</i>	10 ha	10	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>

24	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính <i>Factory manufacturing computers and electronic components</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Hoàng Long <i>(Lam Son – Sao Vang IZ; Hoang Long IZ)</i>	500.000 sản phẩm/năm <i>(500,000 products per year)</i>	250	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
25	Nhà máy sản xuất các sản phẩm cơ khí chế tạo <i>Factory manufacturing mechanical products</i>	KCN Hoàng Long <i>(Hoang Long IZ)</i>	Cơ khí chế tạo <i>(Mechanical products)</i>	100	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
26	Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học <i>Bio-pesticide production factory</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng <i>(Lam Son-Sao Vang IZ)</i>	25 tấn/năm <i>(25 tons per year)</i>	10	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
27	Nhà máy sản xuất và lắp ráp sản phẩm điện máy và đồ gia dụng <i>Factory manufacturing and assembling electrical and home appliances</i>	KCN Bim Sơn <i>(Bim Son IZ)</i>	180.000 sản phẩm/năm <i>(180,000 products per year)</i>	10	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
28	Nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế <i>Factory producing medical equipment and materials</i>	KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Hoàng Long <i>(Lam Son – Sao Vang IZ; Hoang Long IZ)</i>	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm vật tư y tế <i>(Production and trading of medical materials)</i>	200	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
	Lĩnh vực nông nghiệp (Agricultural sector)			665	
29	Khu nông nghiệp công nghệ cao <i>Hi-tech agricultural zone</i>	Thành phố Thanh Hóa <i>(Thanh Hoa city)</i>	300 ha	30	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>

30	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng <i>Infrastructure development for Lam Son-Sao Vàng hi-tech agricultural zone</i>	Huyện Thọ Xuân <i>(Tho Xuan district)</i>	800 - 1000 ha	50	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
31	Vùng nông nghiệp công nghệ cao các huyện dọc đường Hồ Chí Minh <i>Hi-tech agricultural areas in the districts located along Ho Chi Minh highway</i>	Các huyện trung du, miền núi <i>(Mountainous and midland districts)</i>	Mia thâm canh khoảng 7.000 ha; rau an toàn 1.000 ha; 2 trang trại chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, quy mô 3.000 con/ trang trại; Khu liên hợp sản xuất thức ăn chăn nuôi kết hợp nuôi lợn ngoại hướng nạc, quy mô 70 nghìn con <i>(Intensive sugarcane area of 7,000ha; Safe and healthy vegetable area of 1,000ha; two beef cattle farms with scale of 3,000 heads per farm; Feed manufacturing complex aligned with development of imported pig farms with scale of 70,000 heads)</i>	90	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
32	Đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu gắn với phát triển vùng lúa chất lượng cao <i>Development of high-quality rice growing areas aligned with rice processing factory</i>	Các huyện: Quảng Xương, Yên Định, Thọ Xuân, Hoàng Hóa <i>(In Quang Xuong, Yen Dinh, Tho Xuan and Hoang Hoa districts)</i>	30.000 ha	35	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
33	Đầu tư nhà máy chế biến ngô gắn với phát triển vùng nguyên liệu ngô <i>Development of maize growing areas aligned with maize processing factory</i>	Các huyện trọng điểm ngô của tỉnh <i>(Key districts with maize production)</i>	10.000 ha	15	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>

34	Khu trang trại cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao <i>Development of fruit tree farms with high technology</i>	Các huyện <i>(Districts)</i>	125 ha	25	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
35	Vùng sản xuất rau củ quả chất lượng cao xuất khẩu <i>Development of high quality fruit and vegetable production areas for export</i>	Các huyện <i>(Districts)</i>	500 ha	45	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
36	Khu chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao <i>Development of dairy beef farms with high technology</i>	Các huyện: Thọ Xuân, Triệu Sơn <i>(Tho Xuan and Trieu Son districts)</i>	100 ha	30	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
37	Đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu gắn với phát triển vùng lúa chất lượng cao <i>Development of high-quality rice growing areas aligned with rice processing factory</i>	Các huyện: Quảng Xương, Yên Định, Thọ Xuân, Hoàng Hóa <i>(In Quang Xuong, Yen Dinh, Tho Xuan and Hoang Hoa districts)</i>	30.000 ha	35	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
38	Sản xuất hạt lai F1, sản xuất giống lúa thuần <i>Production of F1 hybrid rice seeds and pure-line rice varieties</i>	Các huyện trọng điểm lúa của tỉnh <i>(Key districts with rice production)</i>	1.000 ha	20	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
39	Đầu tư du nhập và phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao <i>Development of high quality imported beef cattle farms</i>	Các huyện <i>(Districts)</i>	5.000 bò cái sinh sản, 10.000 bò cái lai thịt F2, F3 <i>(5,000 bred cows and 10,000 F2, F3 crossbred cows)</i>	70	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>
40	Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm gắn với chuỗi cửa hàng cung cấp thực phẩm an toàn. <i>Cattle and poultry processing factory aligned with safe food suppliers</i>	Các huyện: Yên Định, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Như Xuân <i>(In Yen Dinh, Thach Thanh, Ngoc Lac and Nhu Xuan districts)</i>	12-15 tấn thịt gia súc, gia cầm/ngày <i>(12-15 tons per day)</i>	10	Sơ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn <i>The Management Board of Night Son economic zone and industrial zones</i>

41	Chế biến cùi xuất khẩu <i>Sedge processing for export</i>	Các huyện Nga Sơn, Quảng Xương, Nông Cống <i>(In Nga Son, Quang Xuong and Nong Cong districts)</i>	40 - 42 tấn/ngày <i>(40-42 tons per day)</i>	15	Sở Nông nghiệp và PTNT <i>The Department of Agriculture and Rural development</i>
42	Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và chế biến sản phẩm từ cây luồng <i>Development of bamboo material areas and products from bamboo</i>	Các huyện miền núi <i>(Mountainous districts)</i>	67.772 ha, ván sản 6.000 m ³ năm <i>(Area of 67.772 ha, Capacity of 6,000 m³ per year)</i>	50	Sở Nông nghiệp và PTNT <i>The Department of Agriculture and Rural development</i>
43	Đầu tư chế biến gỗ công nghiệp gắn với phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn <i>Development of large wood material areas aligned with industrial wood processing</i>	Các huyện miền núi <i>(Mountainous districts)</i>	5.000 - 10.000ha	50	Sở Nông nghiệp và PTNT <i>The Department of Agriculture and Rural development</i>
44	Xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung <i>Construction of concentrated cattle and poultry slaughters</i>	Các huyện, thị xã <i>(Districts and towns)</i>	20 tấn trâu, bò/ngày; 60 tấn lợn/ngày; 3,5 tấn gia cầm/ngày <i>(20 tons of cattle/day; 60 tons of pigs/day; 3.5 tons of poultry/day)</i>	35	Sở Nông nghiệp và PTNT <i>The Department of Agriculture and Rural development</i>
45	Xây dựng vùng nguyên liệu cá rô phi phục vụ chế biến, xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa <i>Development of farmed tilapia areas for processing and export</i>	Các huyện: Hà Trung, Thạch Thành, Yên Định, Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Nông Cống, Thọ Xuân, Triệu Sơn <i>(In districts of Ha Trung, Thạch Thanh, Yen Dinh, Vinh Loc, Thieu Hoa, Nong Cong, Tho Xuan and Trieu Son)</i>	1.000 ha	35	Sở Nông nghiệp và PTNT <i>The Department of Agriculture and Rural development</i>

III	Lĩnh vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (Urban areas, industrial zones and industrial clusters)			1,810	
46	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN số 4 - KKT Nghi Sơn <i>Infrastructure development for Industrial Park No.4 inside Nghi Son Economic Zone</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	385 ha	110	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
47	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN số 5 - KKT Nghi Sơn <i>Infrastructure development for Industrial Park No.5 inside Nghi Son Economic Zone</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	462 ha	130	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
48	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN số 6 - KKT Nghi Sơn <i>Infrastructure development for Industrial Park No.6 inside Nghi Son Economic Zone</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	350 ha	100	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
49	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Ngọc Lặc <i>Infrastructure development for Ngoc Lac industrial zone</i>	KCN Ngọc Lặc <i>(Ngoc Lac IZ)</i>	150 ha	80	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
50	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Bãi Trành <i>Infrastructure development for Bai Tranh industrial zone</i>	KCN Bãi Trành <i>(Bai Tranh IZ)</i>	116 ha	75	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
51	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Thạch Quảng <i>Infrastructure development for Thach Quang industrial zone</i>	KCN Thạch Quảng <i>(Thach Quang IZ)</i>	100 ha	100	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
52	Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thông Nhất - Yên Định <i>Infrastructure development for hi-tech agricultural zone in Thong Nhat town, Yen Dinh district</i>	Huyện Yên Định <i>(Yen Dinh district)</i>	1.800 ha	65	Sở Nông nghiệp và PTNT <i>Department of Agriculture and Rural Development</i>

53	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp thực phẩm tỉnh Thanh Hóa <i>Infrastructure development for the Food Park in Thanh Hoa province</i>	Huyện Thọ Xuân <i>(Tho Xuan district)</i>	1,000 ha	150	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa <i>Thanh Hoa Investment, Trade and Tourism Promotion Agency</i>
54	Đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp tại các huyện <i>Infrastructure development for industrial clusters in districts</i>	Các Huyện <i>(District)</i>	5,000 ha	200	Sở Công Thương <i>Department of Industry and Commerce</i>
55	Xây dựng khu đô thị trung tâm Khu Kinh tế Nghi Sơn <i>Construction of central urban area in Nghi Son Economic zone</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	1,613 ha	500	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
56	Xây dựng khu đô thị Cửa Đạt, huyện Thường Xuân <i>Construction of Cua Dat urban area, in Thuong Xuan district</i>	Huyện Thường Xuân <i>(Thuong Xuan district)</i>	10,000	150	Sở Xây dựng <i>Department of Construction</i>
57	Đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp dệt may <i>Infrastructure development for garment and textile industrial clusters</i>	Các Huyện <i>(District)</i>	5 triệu sản phẩm/ năm <i>(5 million products per year)</i>	50	Sở Công Thương <i>Department of Industry and Commerce</i>
58	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp thực phẩm tỉnh Thanh Hóa <i>Infrastructure development for the Food Park in Thanh Hoa province</i>	Huyện Thọ Xuân <i>(Tho Xuan district)</i>	200 ha	100	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa <i>Thanh Hoa Investment, Trade and Tourism Promotion Agency</i>
IV	Lĩnh Du Lịch (Tourism sector)			2,410	
59	Khu du lịch phía Đông đường ven biển thị xã Sầm Sơn <i>Investment in the tourism site in the East of coastal road of Sam Son city</i>	Thị xã Sầm Sơn <i>(Sam Son city)</i>	200 ha	350	Sở Xây dựng <i>Department of Construction</i>

60	Khu du lịch phía Đông đường ven biển huyện Quảng Xương <i>Investment in the tourism site in the East of coastal road of Quang Xuong district</i>	Huyện Quảng Xương <i>(Quang Xuong district)</i>	300 ha	700	Sở Xây dựng <i>Department of Construction</i>
61	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm <i>Investment in Truong Lam eco-tourism site</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	543 ha	270	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
62	Khu du lịch sinh thái Đảo Mẻ <i>Investment in Me island eco-tourism site</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	Du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng <i>(Eco-tourism and resort)</i>	100	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
63	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế <i>Construction of luxury hotels at international standard in Nghi Son EZ</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	Chất lượng 04 sao theo tiêu chuẩn quốc tế <i>(4-star quality of international standard)</i>	100	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
64	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ <i>Investment in Yen My Lake eco-tourism site</i>	Huyện Nông Cống <i>(Nong Cong district)</i>	120 ha	30	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
65	Khu du lịch Hàm Rồng <i>Investment in Ham Rong tourism site</i>	Thành phố Thanh Hóa <i>(Thanh Hoa City)</i>	562 ha	180	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
66	Khu du lịch văn hóa lịch sử Thành Nhà Hồ <i>Investment in Citadel of the Ho Dynasty – the historical and cultural tourism site</i>	Huyện Vĩnh Lộc <i>(Vinh Loc district)</i>	5,078 ha	250	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>

67	Khu du lịch Lam Kinh <i>Investment in Lam Kinh historical site</i>	Huyện Thọ Xuân <i>(Tho Xuan district)</i>	300 ha	200	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
68	Khu du lịch sinh thái thác Mạ Hao <i>Investment in Ma Hao waterfall eco-tourism site</i>	Huyện Lang Chánh <i>(Lang Chanh district)</i>	400 ha	30	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
69	Khu du lịch sinh thái Xuân Liên <i>Investment in eco-tourism in Xuan Lien Nature Reserve</i>	Huyện Xuân Trường <i>(Xuan Truong district)</i>	23.475 ha	80	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
70	Khu du lịch suối cá Cẩm Lương <i>Investment in eco-tourism in Cam Luong fish stream</i>	Huyện Cẩm Thủy <i>(Cam Thuy district)</i>	300 ha	120	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
V	Lĩnh Vực Năng Lượng, Môi Trường (Energy and Environment sector)			122	
71	Xử lý môi trường đô thị Khu Kinh tế Nghi Sơn <i>Waste treatment for urban area in Nghi Son EZ</i>	KKT Nghi Sơn <i>(Nghi Son EZ)</i>	17,000m ³ / ngày đêm <i>17,000 m³ per day</i>	100	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN <i>The Management Board of Nghi Son economic zone and industrial zones</i>
72	Khu công viên Vĩnh Hằng 2 <i>Investment in Eternity Cemetery No.2</i>	Thị xã Sầm Sơn <i>(Sam Son City)</i>	Diện tích khoảng 40 ha <i>40ha</i>	22	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
V	Lĩnh Vực Khác (Others)			331	
73	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình tỉnh Thanh Hóa <i>Construction of Thanh Hoa Hospital for Traumatology and Orthopaedics</i>	Thành phố Thanh Hóa <i>(Thanh Hoa City)</i>	300 giường bệnh <i>300 hospital beds</i>	30	Sở Y tế <i>Department of Health</i>

74	Khu Liên hợp TDTT tỉnh Thanh Hoá <i>Construction of Thanh Hoa Sport Complex</i>	Thành phố Thanh Hóa <i>(Thanh Hoa City)</i>	160 ha	210	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
75	Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Sầm Sơn <i>Construction of Culture and Sport Center in Sam Son city</i>	Thành phố Sầm Sơn <i>(Sam Son City)</i>	Diện tích khoảng 24 ha <i>24 ha</i>	66	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch <i>Department of Culture, Sports and Tourism</i>
76	Trung tâm dịch vụ vận tải và bến xe phía Nam thành phố Thanh Hóa <i>Construction of Southern bus station and transport service center of Thanh Hoa city</i>	Thành phố Thanh Hóa <i>(Thanh Hoa City)</i>	15 ha	25	Sở Giao thông Vận tải <i>Department of Transportation</i>
77	Xây dựng các bến xe tại các huyện miền núi <i>Construction of bus stations in mountainous districts</i>	Các huyện <i>(District)</i>	Đạt tiêu chuẩn tối thiểu bến xe khách loại 3 <i>Grade 3rd as minimum</i>	30	Sở Giao thông Vận tải <i>Department of Transportation</i>



DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) ĐẾN NĂM 2025
(Theo Quyết định số: 1902/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

LIST OF PROJECTS ATTRACTING PRIVATE PUBLIC PARTNERSHIP (PPP) IN THANH HOA PROVINCE BY 2025
(Attached with Decision No. 1902/QĐ-UBND dated 23rd May 2018 by Chairman of People's Committee of Thanh Hoa province)

Số TT (No)	Tên dự án (Names of project)	Địa điểm đầu tư (Investment location)	Quy mô đầu tư/thông số kỹ thuật chủ yếu (Investment scale and technical specifications)	Dự kiến tổng mức đầu tư (trệu USD) (Proposed investment capital (million USD))	Hình thức hợp đồng (Contract form)	Đầu mối liên hệ (Contact point)
TỔNG SỐ (TOTAL)						
I	Lĩnh vực giao thông (Transportation)			1.602		
1	Đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa (Construction of Thanh Hoa provincial coastal road)	Các huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương, Tĩnh Gia (In the following districts: Nga Son, Hau Loc, Hoang Hoa, Sam Son, Quang Xuong and Tinh Gia)	61,2km đường giao thông cấp III đồng bằng; vận tốc thiết kế 80km/h (61.2km delta road grade 3 rd , Speed of 80km per hour)	341	BT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)

2	Đường giao thông kết nối từ đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn đến Khu du lịch Bến En (Construction of connection road from Tho Xuan airport to Nghi Son economic zone and Ben En national park)	Các huyện Nông Cống, Như Thanh (Nong Cong and Nhu Thanh districts)	23km đường giao thông cấp III đồng bằng; vận tốc thiết kế 80km/h (23km delta road grade 3 rd ; Speed of 80km per hour)	32	BT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)
3	Đường giao thông nối từ đường cao tốc Ninh Bình – Thanh Hóa đến Khu du lịch Bến En (Construction of connection road from the Ninh Binh – Thanh Hoa expressway to Ben En national park)	Các huyện Như Thanh và Nông Cống (Nong Cong and Nhu Thanh districts)	20Km đường giao thông cấp III đồng bằng (20 km delta road grade 3 rd)	27	BT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)
4	Đường giao thông nối Khu du lịch tâm linh Am Tiên đến Khu du lịch Bến En (Construction of road linking Am Tien temple and Ben En national park)	Các huyện Triệu Sơn, Như Thanh và Nông Cống (Trieu Son, Nong Cong and Nhu Thanh districts)	25Km đường giao thông cấp III đồng bằng (25 km delta road grade 3 rd)	34	BT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)
5	Cảng Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn (Construction of Quang Chau seaport, Sam Son city)	Thành phố Sầm Sơn (Sam Son city)	02 bến dài 200m, phục vụ cho tàu 1.000 DWT ra, vào cảng (Two 200-meter long berths to accommodate vessels of 1,000 DWT)	23	BOT, BT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)

6	Cầu Hoàng Khánh và đường 2 đầu cầu (Construction of Hoang Khanh bridge and road at two bridge ends)	Các huyện Thiệu Hóa, Hoảng Hóa (In Thieu Hoa and Hoang Hoa districts)	Cầu BTCT, chiều dài 500m và đường 2 đầu cầu là đường cấp III đồng bằng; vận tốc thiết kế 80km/h (Reinforced-concrete bridge with length of 500 meters. Delta road grade 3 rd at two bridge ends with speed of 80km per hour)	23	BOT, BT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)
7	Đường gom QL1A, đoạn tránh TP Thanh Hóa (Construction of feeder road and bypass of Nation Road 1A in Thanh Hoa city)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Đường phố chính đô thị chủ yếu B = 50m, chiều dài 11km (11km main urban road; B=50m)	102	BT	People's Committee of Thanh Hoa city
8	Xây dựng bến xe các huyện miền núi và thành phố Thanh Hóa (Construction of bus stations in mountainous districts and Thanh Hoa city)	Các huyện miền núi và thành phố Thanh Hóa (Mountainous districts and Thanh Hoa city)	Xây dựng các bến xe hiện đại, với diện tích khoảng 2ha - 5ha (Modern bus stations on area of 2-5ha)	9	BOT, BT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)
9	Tuyến đường mới nối từ TT Thọ Xuân đi Cảng Hàng không Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân (tuyến mới) (Construction of road linking Tho Xuan township and Tho Xuan airport (new route))	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân (Tho Xuan township, in Tho Xuan district)	Đầu tư tuyến đường mới với chiều dài khoảng 6,5km (rút ngắn 3km so với tuyến đường cũ); chiều rộng mặt đường Bn = 2x1m; chiều rộng lề đường Bm = 2x1m=2m; dải phân cách giữa 1m. (6.5km-long road (which shortens 3km in comparison with the existing road); road surface of 2x1m; pavement of 2x1m; 1m-wide median strip)	11	BOT, BT	UBND huyện Thọ Xuân (People's Committee of Tho Xuan district)

10	Cầu Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy (Construction of Cam Van bridge, in Cam Thuy district)	Xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy (Cam Van commune, Cam Thuy district)	Xây dựng cầu vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93, tải trọng người đi 3x10-3MPa. Khối cầu B = 7 + 2x0,5m = 8,0m. Tần suất thiết kế P = 1%, chiều dài toàn cầu L = 490,8m. Phần đường: 2,4 Km đường cấp IV đồng bằng (Bridge design specifications: HL-93 live load and design load of 3x10-3 MPa (group of pedestrians) B= 7+2x0.5m =8m P = 1%; L = 490.8m Road at two bridge ends: 2.4km delta road grade 4 th)	11	BT hoặc BOT	Sở Giao thông Vận tải (Department of Transportation)
11	Tuyến đường Tây Sầm Sơn 3, thành phố Sầm Sơn (Construction of the Western Sam Son road No.3)	Thành phố Sầm Sơn (Sam Son city)	Chiều dài tuyến khoảng 3,7km, chỉ giới đường đỏ 40m, mặt đường rộng 2x10,5m, vỉa hè 6m, giải phân cách rộng 7m (3.7km-long road; red boundary line of 40m; road surface of 2x10.5m; 6m-wide pavement; 7m-wide median strip)	9	BT	UBND thành phố Sầm Sơn (People's Committee of Sam Son city)
12	Đường từ QL1A vào khu du lịch biển Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (Construction of connection road from National road 1A to Hai Hoa beach, Tinh Gia district)	Huyện Tĩnh Gia (Tinh Gia district)	3km	9	BT	UBND huyện Tĩnh Gia (People's Committee of Tinh Gia district)

13	Đường giao thông ven biển 4D, đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến hết địa giới hành chính xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn (Construction of road No.4D from Tran Hung Dao street to the end of administrative boundary of Quang Dai commune, Sam Son city)	Thành phố Sầm Sơn (Sam Son city)	Chiều dài tuyến khoảng 3,7km, chi giới đường đỏ 37,5m, mặt đường rộng 2x11,22m, vỉa hè 6m, giải phân cách rộng 3m (3.7km-long road; red boundary line of 37.5m; road surface of 2x11.25m; 6m-wide pavement; 3m-wide median strip)	16	BT	UBND thành phố Sầm Sơn (People's Committee of Sam Son city)
14	Đường giao thông Hoàng Thịnh - Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa (Construction of road section linking Hoang Thinh and Hoang Dong communes, in Hoang Hoa district)	Các xã Hoàng Thịnh, Hoàng Thái, Hoàng Thăng, Hoàng Lưu, Hoàng Đông, Hoàng Phú, Hoàng Thanh (In communes of Hoang Thinh, Hoang Thai, Hoang Thang, Hoang Luu, Hoang Dong, Hoang Phu, Hoang Thanh)	Chiều dài 12,5km, quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng (12.5km delta road grade 5 th)	27	BT	UBND huyện Hoàng Hóa (People's Committee of Hoang Hoa district)
15	Đường giao thông từ Bình Minh đi Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (Construction of road section from Binh Minh to Hai Hoa beach, Tinh Gia district)	Huyện Tĩnh Gia (Tinh Gia district)	3,5km	9	BT	UBND huyện Tĩnh Gia (People's Committee of Tinh Gia district)
16	Cảng cá Hòn Mê (Construction of fishery port in Me island)	Đảo Mê, huyện Tĩnh Gia (Me island, Tinh Gia district)	Đầu tư xây dựng cầu cảng, bờ kè, nạo vét, san lấp mặt bằng khu dịch vụ hậu cần và xây dựng các công trình phụ trợ khác (Construction items include: port, embankments, dredging and site leveling for the logistics area and other supporting works)	9	BOT, BTO	Sở NN&PTNT (Department of Agriculture and Rural Development)

II	Lĩnh vực công nghệ thông tin (Information technology)					
17	Đầu tư xây dựng tòa nhà cho các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm CNTT trong Khu công nghiệp CNTT tập trung tại thành phố Thanh Hóa (Construction of office buildings for IT companies inside the concentrated IT industrial zone in Thanh Hoa city)	Thành phố Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Đầu tư trụ sở làm việc và hạ tầng kỹ thuật phụ trợ phục vụ cho các doanh nghiệp CNTT (Office buildings and other technical infrastructure for IT companies)	9	BOT	Sở Thông tin và Truyền thông (Department of Information and Communications)
III	Lĩnh vực hạ tầng đô thị (Urban development)					
18	Hệ thống xử lý nước thải - Khu kinh tế Nghi Sơn (Waste water treatment plant in Nghi Son EZ)	Khu kinh tế Nghi Sơn (Nghi Son EZ)	Công suất xử lý dự kiến 69.500m ³ /ngày đêm (Estimated capacity of 69,500 m ³ per day)	509		Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp (Management Board of Nghi Son EZ and industrial zones)
19	Dự án: Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung 02 đô thị loại III (Lam Sơn - Sao Vàng; Tĩnh Gia - Nghi Sơn) và 01 đô thị loại IV (Ngọc Lặc) (Construction of waste water collection system and treatment plants in two urban areas grade 3 rd (Lam Son-Sao Vang urban area and Tinh Gia-Nghi Son urban area) and one urban area grade 4 th (Ngoc Lac urban area))	Các huyện Tĩnh Gia, Thọ Xuân, Ngọc Lặc (In Tinh Gia, Tho Xuan and Ngoc Lac districts)	Công suất xử lý nước thải dự kiến trung bình cho mỗi đô thị khoảng 10.000 -15.000 m ³ /ngày đêm, (Estimated treatment plant capacity in each urban area: 10,000-15,000m ³ per day)	32	BOT, BOO, BTO	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp (Management Board of Nghi Son EZ and industrial zones)

20	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cho các làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao (Construction or upgrading of water drainage and waste water treatment systems in craft villages with high threats of causing environmental problems)	Tại các làng nghề đang gây ô nhiễm môi trường và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao (In craft villages with high threats of causing environmental problems)	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cho mỗi làng nghề với công suất: 150m3/ngày (Estimated plant capacity in each village: 150m ³ per day)	126	BOT, BTO	Sở Tài nguyên và Môi trường (Department of Natural Resources and Environment)
21	Các dự án xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Construction of domestic solid waste treatment plants in Thanh Hoa province)	Tại thị xã Bim Sơn: huyện Tĩnh Gia; huyện Thọ Xuân; huyện Cẩm Thủy. (In Bim Son town; in Tinh Gia district; Tho Xuan district and Cam Thuy district)	Khu liên hiệp xử lý CTR tổng hợp tại thị xã Bim Sơn: 650 tấn/ngày đêm; tại huyện Tĩnh Gia: 1.300 tấn/ngày đêm; tại huyện Thọ Xuân: 500 tấn/ngày đêm; tại xã huyện Cẩm Thủy: 300 tấn/ngày đêm. (Bim Son town solid waste treatment plant with capacity of 650 tons per day; Tinh Gia plant with capacity of 1,300 tons per day; Tho Xuan plant with capacity of 500 tons per day; Cam Thuy plant with capacity of 300 tons per day)	236	BOT, BTO, BOO	Sở Tài nguyên và Môi trường (Department of Natural Resources and Environment)
IV	Lĩnh vực y tế (Health care)			141		
22	Khu dịch vụ Y tế chất lượng cao - Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa (Development of high-quality health care service center in Thanh Hoa Hospital of Obstetrics and Gynecology)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Dự kiến quy mô 300 giường bệnh (Capacity of 300 hospital beds)	27	BOT, BOO, BTO, BT, BLT, BTL	Sở Y tế (Department of Health)

23	Khu dịch vụ Y tế chất lượng cao tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa (Development of high-quality health care service center in Thanh Hoa Provincial General Hospital)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Dự kiến quy mô 500 giường bệnh (Capacity of 500 hospital beds)	36	BOT, BOO, BTO, BT, BLT, BTL	Sở Y tế (Department of Health)
24	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa (Construction of Hanoi Medical University Hospital in Thanh Hoa province)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Dự kiến quy mô 300 giường bệnh (Capacity of 300 hospital beds)	23	BOT, BOO, BTO, BT, BLT, BTL	Sở Y tế (Department of Health)
25	Bệnh viện Chấn thương - Chính hình, tỉnh Thanh Hóa (Construction of Thanh Hoa Hospital for Traumatology and Orthopaedics)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Dự kiến quy mô 300 giường bệnh (Capacity of 300 hospital beds)	23	BOT, BOO, BTO, BT, BLT, BTL	Sở Y tế (Department of Health)
26	Bệnh viện Quốc tế Thanh Hóa (Construction of Thanh Hoa International Hospital)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Dự kiến quy mô 500 giường bệnh (Capacity of 500 hospital beds)	32	BOT, BOO, BTO, BT, BLT, BTL	Sở Y tế (Department of Health)
V	Lĩnh vực văn hóa, xã hội (Culture and Social Affairs)			222		

27	Sân vận động thuộc Khu liên hợp Thể dục - Thể thao tỉnh Thanh Hóa (Construction of stadium in the Thanh Hoa Provincial Sports Complex)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	30.000 chỗ ngồi (30,000-seat stadium)	68	BOT	Sở Xây dựng (Department of Construction)
28	Trung tâm văn hóa tỉnh (Construction of Thanh Hoa Provincial Cultural Center)	TP Thanh Hóa (Thanh Hoa city)	Đầu tư các hạng mục theo quy hoạch, diện tích khoảng 56,9ha (Area of 56.9ha)	27	BT Hoặc BOT	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Department of Culture, Sports and Tourism)
29	Khu Quảng trường biển, phố đi bộ, nhà hát và khu bảo tàng sinh học thành phố Sầm Sơn (Construction of beach square, walking street, theatre and museum of biology in Sam Son city)	TP Sầm Sơn (Sam Son city)	Diện tích thực hiện dự án khoảng 14,0 ha, bao gồm các hạng mục công trình như: Sân quảng trường, phố đi bộ, dịch vụ hôn hợp, nhà hát, bảo tàng, bãi đỗ xe... (Area of 14ha)	45	BT	UBND Thành phố Sầm Sơn (People's Committee of Sam Son city)
30	Trung tâm Văn hóa thể thao thành phố Sầm Sơn (Construction of Sam Son Cultural and Sport Center)	TP Sầm Sơn (Sam Son city)	Diện tích 30ha, sân vận động 30.000 chỗ ngồi (Area of 30ha; 30,000 - seat stadium)	66	BT	UBND Thành phố Sầm Sơn (People's Committee of Sam Son city)

31	Bảo tồn, tôn tạo và phục hồi một số hạng mục tại Khu di tích lịch sử Lam Kinh: 4 tòa miếu số 1, 2, 8 và 9, Tả Vu, Hữu Vu; Trụ sở Ban quản lý, nơi đón tiếp và bãi đỗ xe (Conservation and restoration of some items in Lam Kinh historical office for managing board, reception area and parking lot)	Khu di tích lịch sử Lam Kinh, huyện Thọ Xuân (Lam Kinh historical relic in Tho Xuan district)	Bảo tồn, tôn tạo và phục hồi một số hạng mục tại Khu di tích lịch sử Lam Kinh: 4 tòa miếu số 1, 2, 8 và 9, Tả Vu, Hữu Vu; Trụ sở Ban quản lý, nơi đón tiếp và bãi đỗ xe với tổng diện tích khoảng 3,3ha (Conservation and restoration of some items in Lam Kinh historical relic with total area of 3.3ha)	16	BT, BOT	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Department of Culture, Sports and Tourism)
V	Lĩnh vực hạ tầng cụm công nghiệp (Infrastructure development for industrial cluster)			27		
32	Đầu tư xây dựng hạ tầng KCN Bãi Trành (Infrastructure development for Bai Tranh industrial zone)	Huyện Như Xuân (Nhu Xuan district)	179,03 ha	27	BOT, BT, BOO	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN (Management Board of Nghi Son EZ and industrial zones)



Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN THỊ THU HẰNG
 Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư,
 Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa

Chịu trách nhiệm nội dung
HOÀNG SĨ TUẤN
 Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư,
 Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa

Biên soạn & Thiết kế
 Phòng Thông tin, Tư vấn và Dịch vụ - Trung tâm Xúc tiến
 Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa

Sách: **Hướng Dẫn Đầu Tư Vào Tỉnh Thanh Hóa**
 In 1.000 cuốn, khổ: 10 x 20cm, in tại: Công ty Cổ phần In & Phát triển Thương mại Nhật Minh
 Giấy phép xuất bản số: 04/GP-STTTT do Sở TT&TT Thanh Hóa cấp ngày 10/01/2019
 In xong và nộp nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2019

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Đầu Mối Hướng Dẫn Đầu Tư:

1. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: số 41, Đại lộ Lê Lợi, thành phố
Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại: (+ 84) 2373 716 867;

Fax: (+ 84) 2373 716 866

Website: investinthanhhoa.gov.vn;
thanhhoatourism.gov.vn

Email:
trungtamxuctien@thanhhoa.gov.vn

Giám đốc: Bà Trần Thị Thu Hằng

Di động: (+84) 912 384 385

Email: tranthuhang_1070@yahoo.com

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa

Địa chỉ: 45B Đại lộ Lê Lợi, phường
Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa.

Điện thoại: (+84) 2373 852 366;

Fax: (+84) 2373 851 45.

Website: skhdt.thanhhoa.gov.vn

Email: skhdt@thanhhoa.gov.vn

Giám đốc: Ông Hoàng Văn Hùng

Di động: (+84) 913 293 191

Email: hunghv.skhdt@thanhhoa.gov.vn

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp

Địa chỉ: Km 372 - Quốc lộ 1A, xã Trúc
Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: (+84) 2373 617 235;

Fax: (+84) 2373 617 239.

Website: nghison.gov.vn

Email:
bqlkktngghison@thanhhoa.gov.vn

Trưởng ban: Ông Nguyễn Văn Thi

Di động: (+84) 913 293 257

Email: thi81mk@gmail.com

Đầu mối tiếp nhận hồ sơ:

Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện
Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh
Hóa.

Điện thoại: 02373.900.900

Email: thhcc@thanhhoa.gov.vn

Website: hcc.thanhhoa.gov.vn

CONTACT INFO

Contact Point For Providing Investment Instructions:

1. Thanh Hoa Investment, Trade, Tourism Promotion Agency

Address: No. 41, Le Loi Boulevard,
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province,
Vietnam

Phone: (+ 84) 2373 716 867;

Fax: (+ 84) 2373 716 866

Website: investinthanhhoa.gov.vn;
Thanhhoatourism.gov.vn

Email:
trungtamxuctien@thanhhoa.gov.vn

Director: Ms Tran Thi Thu Hang

Mobile: (+84) 912 384 385

Email: tranthuhang_1070@yahoo.com

2. Department of Planning and Investment in Thanh Hoa province

Address: 45B Le Loi Boulevard, Lam
Son Ward, Thanh Hoa City.
Phone: (+84) 2373 852 366;

Fax: (+84) 2373 851 45.

Website: skhdt.thanhhoa.gov.vn

Email: skhdt@thanhhoa.gov.vn

Director: Mr. Hoang Van Hung

Mobile: (+84) 913 293 191

Email: hunghv.skhdt@thanhhoa.gov.vn

3. The Management Board of Nghi Son Economic Zone and industrial zones

Address: Km 372 - Highway 1A, Truc
Lam commune, Tinh Gia district, Thanh
Hoa province

Phone: + (84) 2373 617 235;

Fax: + (84) 2373 617 239.

Website: nghison.gov.vn

Email:

bqlkktngghison@thanhhoa.gov.vn

Head: Mr. Nguyen Van Thi

Mobile: (+84) 913 293 257

Email: thi81mk@gmail.com

Contact point for receiving dossiers: Public Administrative Center of Thanh Hoa province

Address: No. 28 Le Loi avenue, Dien
Bien ward, Thanh Hoa city, Thanh Hoa
province

Tel: (+84) 2373.900.900

Email: thhcc@thanhhoa.gov.vn

Website: hcc.thanhhoa.gov.vn

THÀNH HÓA



CHU 01A

- | | |
|---|-----------------|
|  | Đường Quid Hòn |
|  | Đường biển |
|  | Đường |
|  | Đường Lũ |
|  | Đường biển |
|  | Đường biển biển |
|  | Đường biển biển |
|  | Đường biển |
|  | Đường biển biển |
|  | Đường biển |
|  | Đường biển biển |
|  | Đường biển |
|  | Đường biển biển |

